

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN AN HỘI

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN AN HỘI

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
1	Huỳnh Thị Nhân	BTCB – Hiệu trưởng – Chủ tịch Hội đồng trường	Chủ tịch Hội đồng	
2	Thái Yến Xuân	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Lê Bích	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Lê Thị Thu Trang	Tổ phó chuyên môn	Trưởng Thư ký Hội đồng	
5	Nguyễn Tuấn Đạt	Đại diện giáo viên	Thư ký Hội đồng	
6	Nguyễn Phú Tín	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
7	Huỳnh Văn Nhân	Tổ Trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
8	Đặng Hồng Yến	Tổ Trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
9	Trần Phú Cẩm	Tổ Trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
10	Phạm Thị Mỹ Linh	Tổ Trưởng văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
11	Trà Thị Mỹ Dung	Tổ Trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
12	Võ Hoàng Thanh	Phó chủ tịch Công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
13	Lê Phan Bảo Ngọc	Bí thư chi đoàn – Quản trị web	Ủy viên Hội đồng	
14	Nguyễn Thị Thùy Linh	Y tế	Ủy viên Hội đồng	
15	Nguyễn Thị Hương Trâm	Tổ Trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
16	Trần Thị Kim Thi	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	01
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	03
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	05
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.	12
Mở đầu	12
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	12
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường	15
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	17
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	20
Tiêu chí 1.5: Lớp học.	22
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	24
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	26
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	32
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	35
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	36
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	39
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	41
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.	43
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	45
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.	46
Mở đầu	46

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.	46
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.	48
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính – quản trị.	50
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	52
Tiêu chí 3.5: Thiết bị.	54
Tiêu chí 3.6: Thư viện.	56
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	58
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện Cha mẹ học sinh.	60
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	62
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	65
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.	66
Mở đầu	66
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.	66
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	69
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.	72
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.	74
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.	77
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.	80
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	85
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	86
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		X	X	-

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	-
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: đạt Mức 2.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Tân An Hội

Tên trước đây: không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Huỳnh Thị Nhân
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Củ Chi	Điện thoại	0837904201
Xã/phường/thị trấn	Tân An Hội	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	X	Website	http://thcstananhoi.hcm.edu.vn/
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2010	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024
Khối lớp 6	07	07	06	08	08
Khối lớp 7	07	07	07	06	08
Khối lớp 8	06	07	07	07	05
Khối lớp 9	05	07	08	07	07
Cộng	25	28	28	28	28

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ	33	34	34	34	34	

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
	môn và khối phục vụ học tập						
1	Phòng học	25	28	28	28	28	
a	Phòng kiên cố	25	28	28	28	28	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
2	Phòng học bộ môn	05	03	03	03	03	
a	Phòng kiên cố	00	00	00	00	00	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
3	Khối phục vụ học tập	03	03	03	03	03	
a	Phòng kiên cố	03	03	03	03	03	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
d	Thư viện	01	01	01	01	01	
II	Khối phòng hành chính – quản trị	09	09	09	09	10	
1	Phòng kiên cố	09	09	09	09	10	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Nhà bếp	00	00	00	01	01	
	Cộng	43	44	44	45	46	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 9 năm 2024

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	01	00	

Phó Hiệu trưởng	02	02	00	00	01	01	
Giáo viên	44	29	01	00	40	04	
Nhân viên	08	06	00	00	08	00	
Cộng	55	38	01	00	50	05	

b) Số liệu của 05 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024
1	Tổng số giáo viên	44	43	45	43	43
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,8	1,5	1,6	1,5	1,5
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	00	00	07	00	00
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	00	00	00	01	00

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
	Tổng số học sinh	1.151	1.198	1.133	1.117	1.162	
	- Nữ	545	559	527	518	560	
	- Dân tộc thiểu số	15	18	17	23	25	

TT	Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
1	- Khối lớp 6	294	302	236	320	340	
	- Khối lớp 7	344	292	294	234	320	
	- Khối lớp 8	286	328	282	286	228	
	- Khối lớp 9	227	276	321	277	274	
2	Tổng số tuyển mới	294	302	236	320	340	
3	Học 2 buổi/ngày	1.151	1.198	1.133	1.117	1.162	
4	Bán trú	141	162	155	160	166	
5	Nội trú	00	00	00	00	00	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	46,0	42,8	40,5	39,9	41,5	
7	Số lượng và tỉ lệ% đi học đúng độ tuổi	1.151 100%	1.198 100%	1.133 100%	1.117 100%	1.162 100%	
	- Nữ	545	559	527	518	562	
	- Dân tộc thiểu số	15	18	17	23	22	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	17/05	10/ 01	19/04	24/01	32 /05	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	00	00	00	00	00	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	60	51	45	25	36	
	- Nữ	35	31	26	18	20	
	- Dân tộc thiểu số	10	12	13	21	23	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	72	50	32	19	21	

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại tốt	44,6%	37,9%	47,0%	31,8%	31,8%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	39,1%	39,1%	39,0%	42,5%	44,5%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại chưa đạt	0,4%	0,5%	0%	0,7%	0,5%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	98,3%	99,5%	98,7%	99,6%	99,6%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	1,7%	0,5%	1,3%	0,4%	0,4%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm đạt	0%	0%	0%	0%	0%	

5. Các số liệu khác: không có.

Phần II**TỰ ĐÁNH GIÁ****A. ĐẶT VẤN ĐỀ****1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Trung học cơ sở Tân An Hội được thành lập theo Quyết định số 7088/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường thuộc địa bàn xã Tân An Hội, phần lớn địa bàn xã giáp ranh huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Trường nằm trong khu vực có Khu Công nghiệp với phần đông là con em công nhân, nhân dân lao động sinh sống bằng nghề buôn bán nhỏ, lao động phổ thông.

Diện tích toàn trường 10.897,5 m². Trường gồm 04 dãy phòng, trong đó cả 04 dãy đều là nhà cao tầng. Trường có 28 phòng học, được xây dựng mới theo tiêu chuẩn quy định về diện tích, có đủ bàn ghế, bảng từ đúng quy cách, có ti vi cho từng lớp học, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát.

Công tác quản lý chất lượng trong những năm qua luôn là mối quan tâm hàng đầu của lãnh đạo đơn vị và được tổ chức thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả từ cấp lãnh đạo đến các tổ chuyên môn. Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng, đủ kế hoạch thời gian năm học và nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ; việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh. Bên cạnh đó trường đã đầu tư thêm các thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học và công tác quản lý.

Thuận lợi cơ bản của Trường Trung học cơ sở Tân An Hội là được sự quan tâm của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, đặc biệt là lãnh đạo cũng như các tổ chuyên môn thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện luôn sâu sát, hướng dẫn về chuyên môn, kịp thời giải quyết các khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường thực hiện nhiệm vụ.

Đội ngũ giáo viên luôn đoàn kết, nhiệt tình, có trình độ đào tạo đạt chuẩn. Cán bộ quản lý có đủ năng lực, luôn sâu sát trong quản lý và điều hành đơn vị.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình trường tự xem xét, nghiên cứu trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục, nhân lực, cơ sở vật chất cũng như các vấn đề liên quan khác, từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng.

Tự đánh giá là một quá trình liên tục được thực hiện theo kế hoạch, được dành nhiều công sức, thời gian, có sự tham gia của các đơn vị và cá nhân trong nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Căn cứ Hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường Trung học cơ sở Tân An Hội thực hiện tự đánh giá như sau:

1. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá: ngày 24/01/2024.
2. Thành lập Hội đồng tự đánh giá: ngày 14/02/2024.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng: từ 01/8/2024 đến 20/8/2024.
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí: từ 21/8/2024 đến 25/8/2024.
5. Viết báo cáo tự đánh giá: từ 26/8/2024 đến 09/9/2024.
6. Phổ biến nội dung báo cáo tự đánh giá để lấy ý kiến toàn thể các thành viên trong trường và hoàn chỉnh báo cáo: từ 10/9/2024 đến 16/9/2024.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá: ngày 17/9/2024.
8. Thống nhất nội dung báo cáo tự đánh giá và hoàn tất hồ sơ nộp cơ quan cấp trên: từ 19/9/2024 đến 04/10/2024.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Sau 14 năm hoạt động giảng dạy và giáo dục (kể từ năm 2010) trường đã có những bước phát triển bền vững, cơ cấu nhà trường đã từng bước được củng cố và đi vào hoạt động nền nếp, xây dựng được phương hướng chiến lược phát triển nhà trường; đến nay trường có đủ cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nêu rõ vị trí của nhà trường đặc biệt là việc hoàn chỉnh các cơ cấu tổ chức là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tổ chức và quản lý trường học. Trường Trung học cơ sở Tân An Hội có Hội đồng trường, hội đồng chuyên môn, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỷ luật, các tổ chuyên môn, tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện Cha mẹ học sinh,... Các tổ chức, hội đồng trường hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định hiện hành. Trường có đủ giáo viên dạy đủ các môn học và thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Căn cứ trên tình hình thực tế, hội đồng tự đánh giá trường Trung học cơ sở Tân An Hội xin báo cáo kết quả tự đánh giá tiêu chuẩn 1 với các nội dung cụ thể như sau:

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, Cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở được quy định: Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội, phù hợp định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và phù hợp các nguồn lực của nhà trường. Cụ thể chiến lược phát triển của nhà trường đã tập trung vào 5 nội dung trọng tâm: giáo dục đạo đức học sinh, nâng cao chất lượng giảng dạy, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy học, tích cực phụ đạo học sinh yếu và chăm lo tốt đời sống vật chất tinh thần cho đội ngũ công chức, viên chức và người lao động [H1-1.1-01].

b) Chiến lược được xác định cụ thể bằng văn bản, được sự phê duyệt của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, số 120/KHCL-THCS, ngày 21 tháng 5 năm 2019. Hiệu trưởng nhà trường xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển trường Trung học cơ sở Tân An Hội giai đoạn 2019 – 2024 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1-1.1-02].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường: <http://thcstananhoi.hcm.edu.vn/> [H1-1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển thông qua:

- Sự giám sát của Hội đồng nhà trường, thông qua các cuộc họp định kỳ của Hội đồng nhà trường hằng quý, cuối kỳ 1, cuối năm học hằng năm [H1-1.1-04].
- Giám sát thông qua hội nghị sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường hằng năm [H1-1.1-05].

Mức 3:

Hiệu trưởng nhà trường cùng toàn thể giáo viên, nhân viên tổ chức lấy ý kiến, rà soát kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường hợp sơ kết rút ra những mặt làm được, chưa làm được để tham mưu với địa phương và các cấp đặc biệt là ban ngành cấp trên rà soát kiểm tra lại về nguồn nhân lực, tài chính, điều chỉnh chiến lược để có phương án phát triển thực thi cho những năm tiếp theo [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển của nhà trường và của địa phương, được tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường đồng tình và thống nhất quyết tâm thực hiện.

3. Điểm yếu

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025 trở đi, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với lãnh đạo cấp trên về bổ sung cơ sở vật chất, tăng cường đội ngũ giáo viên. Xây dựng

và phát triển nhà trường theo định hướng của chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Từ năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tiếp tục phân công cụ thể các bộ phận phụ trách thường xuyên cập nhật thông tin và văn bản chỉ đạo các cấp để điều chỉnh, bổ sung kịp thời những yêu cầu đổi mới phù hợp với từng giai đoạn lên trang thông tin điện tử của trường từ đó tiếp tục tạo điều kiện để các tổ chức, cha mẹ học sinh, cá nhân tham gia tích cực hơn trong việc đóng góp ý kiến về phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định.*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có Hội đồng trường được thành lập theo đúng theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học tại Điều 10, có quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Hội đồng trường có 15 thành viên: Bí thư chi bộ – Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, Bí thư chi đoàn và một số tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng, đại diện địa phương, đại diện Cha mẹ học sinh và đại diện học sinh [H1-1.2-01].

Trường còn có các hội đồng khác: Hội đồng thi đua – khen thưởng [H1-1.2-02], Hội đồng kỷ luật [H1-1.2-03].

Ngoài ra trường còn thành lập các hội đồng tư vấn: Hội đồng chuyên môn, Hội đồng tuyển sinh lớp 6, Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở, Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm, Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi,... giúp Hiệu trưởng quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.2-04].

b) Hội đồng trường thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn, hoạt động theo quy định tại Điều 10, có quy chế hoạt động góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng nề nếp kỷ cương của nhà trường [H1-1.2-05].

Hội đồng thi đua – khen thưởng, hội đồng kỷ luật và hội đồng tư vấn khác đều thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.2-06].

c) Hằng năm, hoạt động của các hội đồng nhà trường được định kỳ rà soát, đánh giá để xây dựng nề nếp kỷ cương của nhà trường và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ngày một phát triển [H1-1.1-06], [H1-1.2-07].

Mức 2:

Hội đồng trường hoạt động thường xuyên, có hiệu quả, quyết định các vấn đề quan trọng cho nhà trường tổ chức thực hiện như: kế hoạch giáo dục nhà trường, đề bạt cán bộ quản lý kế cận, quyết định các chỉ tiêu về chuyên môn, thi đua khen thưởng. Giám sát thực hiện quyết định của Hội đồng trường, chất lượng giáo dục của nhà trường được nâng cao. Hằng năm tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng 98% trở lên. Hội đồng trường mỗi năm đều có đề ra Nghị quyết về nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.1-05]. Tuy nhiên, số ít thành viên trong Hội đồng trường chưa kịp thời tham mưu biện pháp để xây dựng và phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường được thành lập theo quyết định, có đủ số lượng và cơ cấu quy định. Hội đồng trường hoạt động theo chức năng, định kỳ đều có họp để đánh giá, rà soát các hoạt động của trường.

3. Điểm yếu

Các thành viên trong Hội đồng trường kiêm nhiệm nhiều công tác, chức vụ khác nhau, chưa nghiên cứu sâu về nhiệm vụ, chức năng nên việc thực hiện nhiệm vụ đôi lúc còn lúng túng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025, Chủ tịch Hội đồng trường thường xuyên tổ chức tập huấn về chức năng, nhiệm vụ thành viên Hội đồng trường và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường trung học và tổ chức rà soát, đánh giá để cải tiến năng lực hoạt động cho các thành viên Hội đồng trường nhằm phát huy vai trò, quyền hạn của Hội đồng trường trong thời gian tới.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định.

b) Hoạt động theo quy định.

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các đoàn thể: Chi bộ [H1-1.3-01]; Công đoàn [H1-1.3-02]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-03]; và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có cơ cấu tổ chức theo quy định [H1-1.3-04]; Chi hội khuyến học thuộc Hội khuyến học xã Tân An Hội [H1-1.3-05].

b) Hoạt động của Chi bộ đảng [H1-1.3-06]; Tổ chức Công đoàn [H1-1.3-07]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-08]; Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-09]; Chi hội Khuyến học nhà trường được thực hiện theo các quy định hiện hành. Hằng tháng, các tổ chức họp định kỳ để kiểm điểm công tác, rút kinh nghiệm công tác tháng trước và triển khai nhiệm vụ công tác của tháng sau nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục.

c) Thông qua các buổi họp, các tổ chức đoàn thể, chính quyền nhà trường thực hiện tốt và đầy đủ công tác rà soát, đánh giá các hoạt động sau mỗi học kỳ, đồng thời bổ sung kế hoạch hoạt động thời gian tới [H1-1.1-06].

Mức 2:

a) Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên trực thuộc Đảng bộ xã Tân An Hội huyện Củ Chi; Chi ủy, Chi bộ hoạt động theo đúng điều lệ Đảng quy định; từ năm 2019 đến năm 2023, Chi bộ được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-10].

b) Hằng năm, dưới sự chỉ đạo của Chi ủy và lãnh đạo nhà trường, tổ chức đoàn thể có đóng góp tích cực trong các hoạt động dạy và học, công tác giáo dục đạo đức, thể chất cho học sinh [H1-1.3-10].

Công đoàn trường chăm lo tốt đời sống công đoàn viên để đội ngũ an tâm công tác, đồng thời động viên giáo viên, nhân viên tích cực tham gia các phong trào của trường. Công đoàn được công nhận Công đoàn vững mạnh về tổ chức [H1-1.3-11].

Chi đoàn tập hợp được đoàn viên giáo viên thực hiện tốt các phong trào của Huyện đoàn, Xã đoàn Tân An Hội và hỗ trợ tích cực công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đạt nhiều thành tích trong hoạt động. Chi đoàn được công

nhận Chi đoàn xuất sắc về tổ chức, có nhiều đóng góp trong các hoạt động ở trên địa bàn xã và đóng góp cho ngành [H1-1.3-12].

Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong của trường đã tham gia tích cực các hoạt động phong trào học tập và phong trào của Đoàn đội, đạt nhiều thành tích, được Huyện đoàn công nhận Liên đội vững mạnh xuất sắc [H1-1.3-13].

Mức 3:

a) Trong 05 liên tiếp từ năm 2019 đến 2024 chi bộ Đảng của trường đều được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-10].

b) Tổ chức Công đoàn đã phát động phong trào thi đua “dạy tốt và học tốt” trong nhà trường, chăm lo đời sống cho công đoàn viên, tích cực tham gia các hoạt động của công đoàn ngành [H1-1.3-11]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-12], Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tham gia tích cực và hiệu quả các phong trào hoạt động Đoàn Đội của trường, địa phương, hỗ trợ tích cực cho hoạt động chuyên môn, giáo dục đạo đức và rèn kỹ năng sống cho học sinh [H1-1.3-13]. Tuy nhiên, còn một vài công đoàn viên chưa tích cực tham gia các hoạt động phong trào do Liên đoàn lao động huyện Củ Chi tổ chức.

2. Điểm mạnh

Chi bộ nhà trường trong 05 năm qua luôn được công nhận Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, số lượng đảng viên của Chi bộ nhiều nên phát huy được vai trò lãnh đạo của Đảng trong nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Các đoàn thể và các tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, hoạt động có kế hoạch góp phần phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Còn một vài công đoàn viên chưa tích cực tham gia các hoạt động phong trào do Liên đoàn lao động huyện Củ Chi tổ chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng phối hợp với các đoàn thể, cân đối về việc phân công nhiệm vụ của các thành viên trong nhà trường phù hợp để tham gia các hoạt động phong trào ngoại khóa.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ Văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng, Phó Hiệu trưởng theo quy định.*
- b) Tổ chuyên môn và tổ Văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định.*
- c) Tổ chuyên môn, tổ Văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất một chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.*
- b) Hoạt động tổ chuyên môn, tổ Văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động tổ chuyên môn và tổ Văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường.*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có 01 Hiệu trưởng [H1-1.4-01]; 02 Phó Hiệu trưởng, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi bổ nhiệm theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.4-02].

b) Tổ chuyên môn và tổ Văn phòng của trường có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020. Nhà trường có 07 tổ chuyên môn (tổ Toán – Tin học; tổ Ngữ văn; tổ Tiếng anh; tổ Khoa học tự nhiên; tổ Giáo dục công dân – Lịch sử – Địa lí; tổ Công nghệ – Giáo dục địa phương; tổ Năng khiếu); Môn Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp do giáo viên chủ nhiệm các khối lớp thực hiện, sinh hoạt theo khối và 01 tổ Văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định [H1-1.4-03].

c) Các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng đều có kế hoạch hoạt động hằng năm dựa trên kế hoạch chung của nhà trường để xây dựng kế hoạch theo tuần, tháng, học kỳ và năm học phù hợp với điều kiện thực tế [H1-1.4-04]; các tổ chuyên môn thực hiện đúng nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên, nhân viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần để kiểm điểm công tác nhằm điều chỉnh những tồn tại và thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Vào đầu năm học, mỗi tổ chuyên môn, lập kế hoạch đề xuất và thực hiện mỗi năm học ít nhất 1 chuyên đề cấp trường, có tác dụng nâng hiệu quả giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy và học [H1-1.4-06].

b) Sau mỗi học kỳ và cuối năm học, hoạt động của tổ chuyên môn, tổ Văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh thông qua báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-06].

Mức 3:

a) Căn cứ vào kế hoạch hoạt động, tổ chuyên môn và tổ Văn phòng đã có những đóng góp tích cực trong việc hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở vật chất, chế độ chính sách cho đội ngũ giáo viên, công nhân viên và các hoạt động giáo dục [H1-1.4-04].

Tổ Văn phòng cũng có nhiều đóng góp trong việc hỗ trợ nâng cao chất các hoạt động của nhà trường; Thư viện giới thiệu sách, tư liệu cho giáo viên và học sinh, phối hợp với tổ bộ môn thực hiện các chuyên đề, cuộc thi kể chuyện theo sách, bộ phận Y tế tổ chức những buổi truyền thông chăm lo sức khỏe cho giáo viên, học sinh. Bộ phận tài vụ kế toán thực hiện tốt các chế độ chính sách theo quy định. Bộ phận phục vụ, bảo vệ làm tốt nhiệm vụ bảo đảm an toàn trường học và vệ sinh môi trường xanh sạch đẹp [H1-1.4-07].

b) Tổ chuyên môn đã thực hiện các chuyên đề của tổ, trường hằng năm như “Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học” và tiết “sinh hoạt

chủ nhiệm theo hướng rèn kỹ năng sống” ngoài ra còn thực hiện các chuyên đề thao giảng cấp cụm, cấp huyện nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-06], [H1-1.4-08]. Tuy nhiên còn tổ ghép nhiều bộ môn, nên đôi lúc còn gặp khó khăn trong việc sinh hoạt chuyên môn.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, tổ chuyên môn đã thực hiện các chuyên đề của tổ như “Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học” và tiết “sinh hoạt chủ nhiệm theo hướng rèn kỹ năng sống” ngoài ra còn thực hiện các chuyên đề thao giảng cấp cụm, cấp huyện nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Còn tổ ghép nhiều bộ môn, nên đôi lúc còn gặp khó khăn trong việc sinh hoạt chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025, các tổ chuyên môn tiếp tục cải tiến các biện pháp tổ chức hoạt động theo kế hoạch một cách khoa học, đúng tiến độ và hiệu quả. Các năm học sau, hiệu trưởng chỉ đạo cho phó hiệu trưởng sắp xếp thời khóa biểu sao cho các buổi sinh hoạt chuyên đề của các tổ ghép đều dễ dàng thực hiện. Cán bộ quản lý sắp xếp lại các tổ chuyên môn, chỉ đạo các tổ chuyên môn chú ý đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn, chú trọng nội dung đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện chuyên đề.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học.*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định.*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các khối lớp từ 6 đến 9 [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Trường Trung học cơ sở Tân An Hội có 28 lớp học. Mỗi lớp có 1 lớp trưởng, 3 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu năm học; mỗi lớp được chia thành 4 tổ; mỗi tổ có 1 tổ trưởng và 1 tổ phó [H1-1.5-03].

c) Các lớp học được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ: Mọi công việc của trường đều được công khai, minh bạch; các em học sinh đều được đối xử công bằng, bình đẳng không có sự phân biệt đối xử; trong các lớp học mọi việc đều được đưa ra bàn bạc và có sự nhất trí cao của cả lớp [H1-1.5-03].

Mức 2:

Năm học 2023 – 2024 số lớp học của nhà trường không quá 45 lớp. Số học sinh trong một lớp không quá 45 học sinh, đảm bảo theo quy định Điều 16 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trong các năm học, trường có không quá 45 lớp. Thực hiện theo biên chế lớp hằng năm được phân bổ, còn một vài lớp có sĩ số quá 40 học sinh [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học và được tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh ở một số lớp vượt quá 40 học sinh/lớp theo quy định tại Mức 3.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng nhà trường tham mưu lãnh đạo Phòng giáo dục nhận học sinh đúng tuyến phân bổ trên địa bàn xã, để không vượt quá 40 học sinh/lớp. Song song đó, tham mưu Ủy ban nhân dân Xã Tân An Hội xây dựng thêm phòng học để không vượt quá 40 học sinh/lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định.*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục quy định tại Điều 27, Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 và Điều 21, Thông tư 32/2020/TTBGDD ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ giáo dục đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, phổ thông có nhiều cấp học. Hồ sơ sổ sách gồm:*

Đối với nhà trường: sổ đăng bộ; sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến [H1-1.6-01]; sổ gọi tên và ghi điểm [H1-1.5-01]; sổ ghi đầu bài [H1-1.6-02]; học bạ học sinh [H1-1.6-03]; sổ quản lý cấp phát văn bằng [H1-1.6-04]; sổ nghị quyết nhà trường; sổ nghị quyết Hội đồng trường [H1-1.1-05]; hồ sơ thi đua [H1-1.2-06]; hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên [H1-1.6-05]; hồ sơ lưu trữ các văn bản: công văn đi, công văn đến [H1-1.6-06]; sổ quản lý tài sản, thiết bị [H1-1.6-07]; hồ sơ quản lý tài chính [H1-1.6-08]; hồ sơ quản lý thư viện [H1-1.6-09]; hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh [H1-1.6-10].

Đối với tổ chuyên môn: sổ kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn [H1-1.4-04]; biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn [H1-1.4-05].

Đối với giáo viên: sổ ghi kế hoạch giảng dạy, sổ theo dõi và đánh giá học sinh [H1-1.5-01]; sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm) [H1-1.5-03].

b) Hằng năm, nhà trường lập dự toán ngân sách nhà nước và được cấp trên phê duyệt, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo đúng chế độ kế toán, tài chính của nhà nước, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Củ Chi. Nhà trường đảm bảo công khai tài chính để cán bộ, giáo viên và nhân viên được biết để tham gia giám sát, kiểm tra và thực hiện công tác kiểm tra tài chính của nhà trường theo định kỳ [H1-1.6-08]; Hiệu trưởng xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm và được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-11].

c) Hằng năm, bộ phận tài chính, các tổ chuyên môn tham mưu với hiệu trưởng việc đề xuất mua sắm, sửa chữa thiết bị giáo dục, cơ sở vật chất đúng danh mục để đáp ứng tốt cho hoạt động giáo dục của nhà trường: Mua sách tham khảo, nâng cấp máy tính phục vụ cho việc học và tra cứu thông tin của học sinh, giáo viên; sửa chữa nhà vệ sinh. Qua đó, hiệu trưởng kiểm tra, phê duyệt đề xuất của các bộ phận để quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ hoạt động giáo dục [H1-1.6-08].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Trường sử dụng các phần mềm như: phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp IMAS [H1-1.6-12], phần mềm Bảo hiểm xã hội EFY, phần mềm báo cáo thuế HTKK, Cơ sở dữ liệu csdl.hcm.edu.vn, ...

b) Trong 05 năm kể từ năm 2020 đến năm 2024, trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-08].

Mức 3:

Trường có kế hoạch vận động tài trợ giáo dục trong từng năm học để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học cũng như có kế hoạch ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp [H1-1.6-13]; Trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Hoạt động tài chính minh bạch rõ ràng thực hiện theo đúng văn bản quy định về quản lý tài chính.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục về quản lý hành chính, tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định.

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản đúng theo quy định.

3. Điểm yếu

Trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025 và các năm tiếp theo Hiệu trưởng sẽ lập kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Hằng năm, Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên dựa trên năng lực, thế mạnh và kinh nghiệm của từng cá nhân trong đó việc lựa chọn cá nhân có năng lực tốt về chuyên môn, tư tưởng chính trị vững vàng để phân bổ, hỗ trợ các hoạt động quản lý tổ, nhóm và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên được học tập nâng chuẩn, phát triển năng lực thông qua việc tham gia học tập, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có kế hoạch bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhằm tạo điều kiện tốt cho lực lượng sư phạm phát triển về chất lượng [H1-1.7-01].

b) Hiệu trưởng phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý bằng bảng phân công nhiệm vụ theo đề án vị trí việc làm. Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường theo đúng năng lực, sở trường công tác đảm bảo hiệu quả các hoạt động [H1-1.7-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các văn bản hiện hành. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc quản lý, giảng dạy và giáo dục học sinh, hỗ trợ phục vụ cho hoạt động dạy và học của nhà trường, được tham gia sinh hoạt bồi dưỡng chuyên môn, hoạt động chuyên đề; được học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng đầy đủ

các chế độ chính sách theo quy định như nâng lương, phụ cấp thâm niên, phụ cấp ưu đãi [H1-1.7-03]; được khen thưởng, học tập bồi dưỡng chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ mỗi học kỳ, cuối năm để động viên, khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khi hoàn thành nhiệm vụ [H1-1.7-04]; được hưởng chế độ bảo hiểm y tế, được chăm sóc sức khỏe hằng năm theo quy định bảo hiểm xã hội [H1-1.7-05]; được tham gia đóng góp ý kiến cho Hiệu trưởng về xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, về hoạt động chuyên môn, cải tiến lề lối làm việc của trường, chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên qua sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, họp toàn thể nhà trường hằng tháng, qua hội nghị cán bộ, viên chức người lao động hằng năm [H1-1.7-06].

Mức 2:

Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhà trường một cách cụ thể, phù hợp năng lực cá nhân, kỹ năng sư phạm, sự am hiểu về tâm sinh lý học sinh nhằm đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Công tác bố trí phân công nhân sự được nhà trường thực hiện công bằng và phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác của cá nhân và yêu cầu công việc của nhà trường. Trường hiện thiếu nhân viên chuyên trách ở một số vị trí công tác. Việc quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ nguồn cũng được nhà trường quan tâm thực hiện hằng năm. [H1-1.7-02].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện việc quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh chặt chẽ theo đúng quy định của Điều lệ.

Công tác quản lý của nhà trường được hỗ trợ thực hiện bằng các phần mềm đảm bảo cho việc lưu trữ, truy cập thông tin nhanh chóng và thuận lợi.

Nhà trường đã tổ chức tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động theo hướng dẫn của ngành tác động tích cực tới hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường từ đó phát hiện được nhiều cá nhân điển hình tiên tiến.

3. Điểm yếu

Trường hiện thiếu nhân viên thư viện, còn phải phân công giáo viên kiêm nhiệm nên chưa chuyên sâu trong lĩnh vực mình phụ trách.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024–2025, Hiệu trưởng tạm thời ký hợp đồng nhân viên thư viện để đảm bảo đủ nhân sự. Đến năm học 2025–2026, Hiệu trưởng tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi tuyển dụng nhân viên thư viện đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ.

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện thời gian năm học theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, kế hoạch thời gian năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục năm học và thời khóa biểu phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện cụ thể của nhà trường [H1-1.8-01], [H1-1.8-02].

b) Kế hoạch giáo dục hằng năm được thông qua Hội đồng trường, hội đồng sư phạm và được triển khai thực hiện đầy đủ và đạt chỉ tiêu đề ra [H1-1.8-02]. Tuy nhiên, việc tổ chức cho học sinh tham quan thực tiễn theo kế hoạch về chương trình giáo dục địa phương của nhà trường còn hạn chế.

c) Kế hoạch giáo dục hằng năm, qua mỗi học kỳ đều được rà soát, đánh giá thông qua báo cáo sơ kết, tổng kết từng bộ môn điều chỉnh kịp thời cho phù hợp

với tình hình thực tế nhà trường, đảm bảo được thực hiện có tính khả thi [H1-1.1-04].

Mức 2:

Hiệu trưởng đã chỉ đạo Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn và tổ trưởng chuyên môn thực hiện công tác kiểm tra kế hoạch giảng dạy của giáo viên theo định kỳ hàng tuần, hàng tháng; Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn dự họp tổ chuyên môn để nắm bắt kịp thời việc thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập trong toàn trường, góp phần giúp giáo viên nâng cao hơn ý thức thực hiện theo đúng kế hoạch giảng dạy, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Trường có các biện pháp chỉ đạo việc đánh giá theo nội dung kế hoạch, quy chế, tiêu chuẩn đánh giá trong các cuộc họp tổ nhóm, họp tập thể sư phạm, họp sơ kết của các bộ môn, được ghi nhận trong sổ họp tổ nhóm và được Đoàn kiểm tra chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt hiệu quả, việc tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm về chương trình giáo dục địa phương của nhà trường còn hạn chế [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Xây dựng và thực hiện tốt Kế hoạch giáo dục của nhà trường. Hằng năm, trường đều có rà soát, bổ sung và điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm về chương trình giáo dục địa phương của nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, tiếp tục xây dựng và thực hiện tốt Kế hoạch giáo dục của nhà trường. Bí thư – Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo đảng viên – giáo viên, giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách phối hợp chính quyền địa phương để tổ chức việc thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh theo chương trình giáo dục địa phương của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch năm học, nội quy cơ quan, thang điểm thi đua, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ và các văn bản liên quan đến các hoạt động của nhà trường thông qua các cuộc họp công đoàn, tổ chuyên môn và Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.9-01]; các ý kiến tập trung thảo luận về Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ, về chế độ chính sách [H1-1.6-11].

b) Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Trong 05 năm qua, trường không có khiếu nại, tố cáo [H1-1.3-02]. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít giáo viên chưa tham gia đóng góp ý kiến về quy chế dân chủ và nội quy cơ quan mà thường chỉ tập trung thảo luận nhiều về quy chế chi tiêu nội bộ, chế độ chính sách.

c) Hằng năm, nhà trường đều thực hiện tốt công khai chất lượng giáo dục vào đầu năm học, công khai về tài chính [H1-1.9-03]; báo cáo đầy đủ việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo quy định [H1-1.9-04].

Mức 2:

Để giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường, hằng năm, Ban thanh tra nhân dân có biên bản giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong nhà trường. Hiệu trưởng phối hợp cùng các bộ phận xử lý kịp thời các trường hợp phản ánh từ phụ huynh. Nhà trường không có trường hợp tố cáo nào từ cán bộ, giáo viên, công nhân viên hay phụ huynh và địa phương.

Hiệu trưởng phối hợp chặt chẽ với Ban chấp hành Công đoàn và Ban thanh tra nhân dân trong hoạt động giám sát thực hiện Quy chế dân chủ tại đơn vị.

3. Điểm yếu

Giáo viên còn ít tham gia đóng góp ý kiến về quy chế dân chủ và nội quy cơ quan mà thường chỉ tập trung thảo luận nhiều về quy chế chi tiêu nội bộ, chế độ chính sách.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn thảo luận đóng góp ý kiến về xây dựng Quy chế dân chủ và nội quy cơ quan, có ghi biên bản cụ thể để hoàn thiện Quy chế đưa vào thực hiện tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh từ Phụ huynh học sinh và người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch, các phương án về đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; việc phòng chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-02]; phòng chống cháy nổ [H1-1.10-03]; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng tránh các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường [H1-1.10-04]; phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm được nhà trường thực hiện qua việc tuyên truyền đến học sinh [H1-1.10-05]. Bên cạnh đó còn một số ít phụ huynh học sinh chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc chấp hành việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông.

Trường có tổ chức bán trú cho học sinh phối hợp với công ty cung cấp suất ăn Bảo Bảo Anh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-06].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, công khai số điện thoại của cán bộ quản lý cho mọi đối tượng tham gia hoạt động giáo dục của nhà trường, có lịch tiếp công dân hằng tuần, để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, cha mẹ học sinh [H1-1.10-07].

Nhà trường phối hợp tốt với các lực lượng trong và ngoài nhà trường đảm bảo trật tự an ninh, đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học

sinh trong nhà trường [H1-1.10-08]; khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, nhà trường có biện pháp ngăn chặn, kịp thời hiệu quả không để xảy ra tình huống xấu [H1-1.10-09].

c) Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường có ý thức tự giác thực hiện nội quy cơ quan, nội quy học sinh, tích cực góp phần đảm bảo tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn trường học [H1-1.10-10].

Mức 2:

a) Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường trong hội đồng sư phạm, trong các buổi sinh hoạt dưới cờ tuy nhiên chưa có nhiều chuyên đề chuyên sâu [H1-1.10-11].

b) Hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, tình hình an ninh trật tự của trường qua hộp thư góp ý, trang thông tin điện tử của trường, mạng xã hội, phối với chính quyền địa phương để có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên và học sinh [H1-1.10-12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các nội dung công tác an ninh trật tự an toàn trong trường học, thường xuyên phối hợp tốt với các lực lượng ngoài nhà trường không để xảy ra tình huống xấu.

Trong nhiều năm qua, cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn vệ sinh thực phẩm và an toàn lao động.

3. Điểm yếu

Còn số ít cha mẹ học sinh chưa phối hợp nhà trường trong việc chấp hành nghiêm việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng tiếp tục giữ mối quan hệ chặt chẽ với chính quyền và nhân dân địa phương, tạo sự quan tâm ủng hộ để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Phổ biến rộng rãi kế hoạch cho học sinh và cha mẹ học sinh nắm, thực hiện viết cam kết giữa nhà trường – học sinh – cha mẹ học sinh nhất là về đội mũ bảo hiểm để an toàn khi tham gia giao thông.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

- Điểm mạnh nổi bật:

+ Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển của nhà trường và của địa phương, được tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường đồng tình và thống nhất quyết tâm thực hiện.

+ Các đoàn thể và các tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, hoạt động có kế hoạch góp phần phát triển nhà trường.

+ Hằng năm, tổ chuyên môn đã thực hiện các chuyên đề của tổ như “Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học” và tiết “Sinh hoạt chủ nhiệm theo hướng rèn kỹ năng sống” ngoài ra còn thực hiện các chuyên đề thao giảng cấp cụm, cấp huyện nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

+ Nhà trường xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong nhà trường. Hiệu trưởng phối hợp cùng các bộ phận xử lý kịp thời các trường hợp phản ánh từ cha mẹ học sinh. Nhà trường không có trường hợp tố cáo nào từ cán bộ, giáo viên, nhân viên hay cha mẹ học sinh và địa phương.

+ Hiệu trưởng phối hợp chặt chẽ với Ban chấp hành Công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân trong hoạt động giám sát thực hiện Quy chế dân chủ tại đơn vị.

+ Nhà trường thực hiện nghiêm túc các nội dung công tác an ninh trật tự an toàn trong trường học, thường xuyên phối hợp tốt với các lực lượng ngoài nhà trường không để xảy ra tình huống xấu. Trong nhiều năm qua, cán bộ, giáo viên,

nhân viên và học sinh nhà trường tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn vệ sinh thực phẩm và an toàn lao động.

- Điểm yếu cơ bản:

+ Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

+ Còn tổ ghép nhiều bộ môn, nên đôi lúc còn gặp khó khăn trong việc sinh hoạt chuyên môn.

+ Trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

+ Giáo viên còn ít tham gia đóng góp ý kiến về quy chế dân chủ và nội quy cơ quan mà thường chỉ tập trung thảo luận nhiều về quy chế chi tiêu nội bộ, chế độ chính sách.

+ Còn số ít cha mẹ học sinh chưa phối hợp nhà trường trong việc chấp hành nghiêm việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông.

- Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

- Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường hội đủ mọi điều kiện và năng lực để triển khai và thực hiện tốt các hoạt động giáo dục. Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ thạc sĩ chuyên ngành, thạc sĩ quản lý giáo dục, cử nhân sư phạm, có năng lực, tận tụy và hết lòng với công việc, có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, giúp đỡ tận tình cho các giáo viên gặp khó khăn. Số lượng cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường đảm bảo yêu cầu theo quy định và được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định.

b) Được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên.

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên.

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý của nhà trường đều đạt chuẩn, đáp ứng theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Trình độ chuyên môn của Hiệu trưởng: tốt nghiệp cử nhân sư phạm Lịch sử, Cử nhân kinh tế chuyên ngành kinh tế-chính trị. Trình độ chuyên môn của Phó Hiệu trưởng thứ 1: tốt nghiệp đại học sư phạm ngành Hóa học, trình độ chuyên môn của Phó Hiệu trưởng thứ 2: tốt nghiệp đại học sư phạm ngành Âm nhạc, tốt nghiệp thạc sĩ quản lý giáo dục [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường được cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nhận xét, bỏ phiếu tín nhiệm sau mỗi năm học. Hằng năm, hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo nhận xét, đánh giá và xếp loại đạt chuẩn hiệu trưởng từ mức khá trở lên; phó hiệu trưởng được hiệu trưởng nhận xét, đánh giá và xếp loại. Trong 05 năm qua, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định Chuẩn hiệu trưởng trong cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng được bồi dưỡng cao cấp lý luận chính trị, có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh B. Phó Hiệu trưởng thứ 1 được bồi dưỡng trình độ trung cấp lý luận chính trị, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, Phó Hiệu trưởng thứ

2 có chứng chỉ B tiếng Anh và chứng nhận tiếng Anh tương đương cấp độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Thế nhưng, năng lực sử dụng tiếng Anh trong công tác và giao tiếp của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn hạn chế. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đã hoàn thành khóa bồi dưỡng Hiệu trưởng trung học cơ sở [H2-2.1-01].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng từ loại khá trở lên theo quy định chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định. Hiệu trưởng được bồi dưỡng cao cấp lý luận chính trị [H2-2.1-02]; 2 Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng trình độ trung cấp lý luận chính trị. Lãnh đạo nhà trường lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên nhận xét, bỏ phiếu tín nhiệm sau mỗi năm học về công tác quản lý giáo dục [H2-2.1-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng loại Tốt liên tục từ năm 2019 đến năm 2023 [H2-2.1-02]. Năm học 2022 – 2023 có 01 Phó Hiệu trưởng đạt giải 3 giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố.

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý đều đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, tích cực tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị theo quy định, được tập thể tín nhiệm có năng lực quản lý tốt, có kinh nghiệm và tâm huyết với công tác quản lý giáo dục.

3. Điểm yếu

Năng lực sử dụng tiếng Anh của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng tiếp tục trau dồi kỹ năng sử dụng tiếng Anh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho Học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc Hướng dẫn danh mục

khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác, đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H1-1.7-02].

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 33 Điều lệ trường trung học [H2-2.2-01];

c) Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2:

a) Năm 2019 đến năm 2024, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo kế hoạch trường đề ra hằng năm [H2-2.2-01].

b) Trong 05 liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

c) Giáo viên của trường phối hợp với Liên đội tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học, định hướng phân luồng cho học sinh vào lớp 10 Trung học phổ thông, trung cấp nghề. Trong 05 liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Tuy nhiên, giáo viên và học sinh chưa tham gia nhiều vào công tác nghiên cứu khoa học [H2-2.2-03]; [H1-1.2-07].

Mức 3:

a) Từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2023 – 2024, nhà trường đảm bảo có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên, và có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Tốt [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm, nhà trường có giáo viên tham gia và đạt giải nghiên cứu khoa học, 01 giáo viên đạt giải ba Hội thi “Thiết kế chủ đề dạy học tích hợp STEM” trong trường trung học cơ sở năm học 2023 – 2024 cấp thành phố [H2-2.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 100% giáo viên từ mức đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo, đảm bảo chất lượng giáo dục hằng năm. Giáo viên luôn nỗ lực, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Giáo viên và học sinh chưa tham gia nhiều vào công tác nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng có kế hoạch khuyến khích, động viên và khen thưởng giáo viên có báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học và đạt giải.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023. Tổ Văn phòng của nhà trường được thành lập theo quy định của Điều lệ trường trung học gồm: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư kiêm học vụ, 02 nhân viên phục vụ, 02 nhân

viên bảo vệ, 01 nhân viên y tế kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên phòng thiết bị – thí nghiệm kiêm thư viện [H2-2.3-01].

b) Đội ngũ nhân viên nhà trường đều có chứng chỉ đào tạo đúng chuyên ngành theo vị trí công việc và được phân công thực hiện nhiệm vụ đúng chuyên môn, năng lực của từng cá nhân [H2-2.3-01].

c) Các nhân viên Tổ Văn phòng được Hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Cuối mỗi học kỳ, nhân viên văn phòng đều có bản tự nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Qua đánh giá, nhà trường có 100% nhân viên đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hằng năm [H1-1.2-07].

Mức 2:

a) Nhà trường có 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên Y tế kiêm Thủ quỹ, 01 nhân viên Văn thư kiêm Học vụ, 01 nhân viên phòng thiết bị – thí nghiệm kiêm thư viện, 02 nhân viên Phục vụ, 02 nhân viên Bảo vệ, đủ số lượng nhân viên đáp ứng nhu cầu hoạt động. [H1-1.7-02].

b) Trong 5 năm liên tiếp từ năm 2019 đến năm 2024, trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-07].

Mức 3:

a) Nhân viên trong nhà trường có trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên cụ thể như sau: nhân viên kế toán trình độ trung cấp, nhân viên y tế trình độ trung cấp chuyên nghiệp, nhân viên phụ trách phòng thiết bị – thí nghiệm kiêm thư viện có trình độ cao đẳng sư phạm. Tuy nhiên nhân viên phụ trách thư viện là nhân viên kiêm nhiệm nên chưa có thời gian đầu tư đúng mức về chuyên ngành thư viện. [H2-2.2-01].

b) Hằng năm, đội ngũ nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm, trong đó nhân viên bảo vệ được tập huấn nghiệp vụ và tập huấn phòng cháy chữa cháy định kỳ [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định. Đa số nhân viên có trình độ đào tạo đúng chuyên ngành đáp ứng nhu cầu công việc.

3. Điểm yếu

Nhân viên phụ trách thư viện là nhân viên kiêm nhiệm nên chưa có thời gian đầu tư đúng mức về chuyên ngành thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2024 – 2025 trở đi, Hiệu trưởng tiếp tục tuyển vị trí nhân viên thư viện cho đơn vị và tạo mọi điều kiện cho các nhân viên tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định.*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Từ năm 2019 đến năm 2023 nhà trường luôn đảm bảo số học sinh về độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.5-01].

b) Học sinh tích cực tham gia các hoạt động trong và ngoài nhà trường, rèn luyện cho học sinh về thể chất, tinh thần tạo điều kiện cho các em phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật đạt được nhiều kết quả cao và không vi phạm quy định về các hành vi học sinh không được làm. Bên cạnh đó vẫn còn số ít học sinh chưa có thái độ học tập nghiêm túc do nhiều nguyên.

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm vận động các mạnh thường quân trao học bổng, tiếp sức đến trường [H2-2.4-01], [H2-2.4-02], [H2-2.4-03].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu, được nhận học bổng và các quyền khác theo Điều 39, Thông tư số 12/2011/TT-BGĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 và Điều 35, Thông tư 32/2020/TTBGDD ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ giáo dục đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác của pháp luật, tham gia các hoạt động về thể thao, văn hóa, văn nghệ, khám sức khỏe,... [H1-1.6-10], [H2-2.4-02].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng quan tâm trong công tác giáo dục đạo đức và rèn luyện hạnh kiểm. Học sinh vi phạm được phát hiện kịp thời, nhà trường áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp phối hợp với cha mẹ học sinh, theo dõi những chuyển biến trong quá trình tự rèn luyện của bản thân để các em nhận thức lỗi sai và khắc phục khuyết điểm [H1-1.1-04].

Mức 3:

Học sinh đạt giải trong các hội thi như: Học sinh giỏi cấp Huyện, Học sinh giỏi cấp Thành phố, hội thi Khéo tay kỹ thuật, hội thi Khoa học kỹ thuật, thi đấu thể dục thể thao,... nhà trường khen thưởng vào tiết sinh hoạt dưới cờ nhằm tạo ảnh hưởng tích cực [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Đa số học sinh tích cực tham gia các hoạt động trong và ngoài nhà trường, rèn luyện cho học sinh về thể chất, tinh thần tạo điều kiện cho các em phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật đạt được nhiều kết quả cao.

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm vận động các mạnh thường quân trao học bổng, tiếp sức đến trường.

3. Điểm yếu

Vẫn còn số ít học sinh chưa có thái độ học tập nghiêm túc do nhiều nguyên nhân khác nhau.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Để xây dựng cho học sinh có thái độ học tập nghiêm túc, bộ phận chuyên môn của nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục như: sân khấu hóa môn Ngữ văn, dạy học STEM, tăng cường giáo dục thái độ ý thức học tập trong các tiết học Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và thông qua các hoạt động Đội, bản tin tuyên truyền.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 2:

- Điểm mạnh nổi bật:

+ Cán bộ quản lý đều đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, tích cực tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị theo quy định. Được tập thể tín nhiệm, có năng lực quản lý tốt, có kinh nghiệm và tâm huyết với công tác quản lý giáo dục.

+ Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo, đảm bảo chất lượng giáo dục hằng năm. Giáo viên luôn nỗ lực, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

+ Nhà trường có đầy đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định. Đa số nhân viên có trình độ đào tạo đúng chuyên ngành, đáp ứng nhu cầu công việc.

+ Đa số học sinh tích cực tham gia các hoạt động trong và ngoài nhà trường, được tạo điều kiện rèn luyện về thể chất, tinh thần và phát triển năng khiếu. Học sinh có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm hỗ trợ, tiếp sức đến trường.

- Điểm yếu cơ bản:

+ Giáo viên có tham gia nghiên cứu khoa học nhưng chưa nhiều.

+ Vẫn còn số ít học sinh chưa có thái độ học tập nghiêm túc do nhiều nguyên nhân khác nhau.

+ Trường chưa tuyển được vị trí nhân viên thư viện (hiện có hợp đồng thư viện) nên chưa chuyên sâu trong lĩnh vực mình phụ trách.

- Số tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

- Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trong các năm học qua, nhà trường đã quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất. Trường có diện tích đảm bảo theo quy định, có khuôn viên riêng biệt, tường rào bao quanh, cổng trường, tên trường, có khu sân chơi, bãi tập, khu để xe, khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước và xây dựng được môi trường xanh, sạch, đẹp. Nhà trường có đủ trang, thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học và quản lý sử dụng theo quy định. Bên cạnh đó, nhà trường huy động mọi nguồn lực xã hội cùng chăm lo bảo quản, duy tu, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của giáo dục.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh.

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu; đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6m^2$ /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10m^2$ /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có khuôn viên rộng rãi với diện tích mặt bằng $10.897,5 m^2$ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn, thoáng mát để tổ chức các hoạt động giáo dục, trường có lắp đặt hệ thống camera nhằm

đảm bảo an toàn, đảm bảo tốt an ninh cho học sinh và bảo vệ tốt tài sản của nhà trường [H3-3.1-01].

b) Nhà trường có cổng trường, biển tên trường, tường rào bao quanh được xây dựng kiên cố [H3-3.1-02].

c) Sân chơi có diện tích là: 4.725 m² đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-02], ghế ngồi, cây xanh, khu bãi tập diện tích 786 m² có các thiết bị luyện tập thể dục thể thao tương đối cơ bản và đảm bảo an toàn cho học sinh học tập [H3-3.1-03].

Mức 2:

Khu sân chơi có các bồn hoa, cây hoa kiểng, cây bóng mát và đảm bảo vệ sinh sạch sẽ [H3-3.1-02]; khu bãi tập được bố trí phía sau cách biệt với các khối phòng học và khu hành chính, có tương đối đầy đủ các thiết bị luyện tập thể dục thể thao và đảm bảo an toàn đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-03].

Mức 3:

Trường trung học cơ sở Tân An Hội thuộc địa bàn xã Tân An Hội, diện tích bình quân: 9,38 m²/học sinh chưa đạt yêu cầu, khu sân chơi, bãi tập có diện tích: 5.511 m² trên 50% tổng diện tích sử dụng của trường đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]. Tuy nhiên, bãi tập đang tận dụng khu vực giữ xe mái che còn thấp, nắng nóng, ảnh hưởng việc tập luyện thể thao của học sinh [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên cơ sở xanh, sạch, đẹp, khang trang, thoáng mát, có lưới che, có màn hình sáo, có các vòm cây xanh để che mát cho học sinh. Có cổng trường, biển tên và hàng rào xây kiên cố bao quanh.

Trường có lắp đặt hệ thống camera nhằm đảm bảo an toàn, đảm bảo tốt an ninh cho học sinh và bảo vệ tốt tài sản của nhà trường.

3. Điểm yếu

Diện tích bình quân/ học sinh và khu sân chơi bãi tập chưa đạt yêu cầu theo quy định, chật hẹp và thiếu đường chạy 100 m, chưa có sân bóng chuyền, bóng đá cho học

sinh tập luyện. Bãi tập đang tận dụng khu vực gửi xe nên mái che còn thấp, nắng nóng, ảnh hưởng việc tập luyện thể thao của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025 và các năm học tiếp theo, trường tiếp tục trồng thêm cây xanh để có bóng mát, bố trí khu vực hợp lý để làm sân bóng nhằm đáp ứng các yêu cầu vui chơi, học tập của học sinh. Tham mưu lãnh đạo địa phương xây dựng thêm khu vực tập luyện thể dục thể thao đáp ứng theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc của học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo cho việc học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định.

c) Có phòng hoạt động Đoàn – Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định. Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 28 phòng học/28 lớp đảm bảo đủ phòng học 2 buổi/ngày [H3-3.1-02]; các phòng học được trang bị bàn ghế 2 chỗ ngồi phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, các thiết bị chiếu sáng, quạt

mát đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định về vệ sinh học đường của Bộ Y tế [H3-3.2-01].

b) Hiện nay nhà trường có các phòng học và phòng bộ môn được xây dựng đúng quy cách gồm: 01 phòng thực hành môn khoa học tự nhiên (Lý) – Phòng Công nghệ, 01 phòng Khoa học tự nhiên (Hóa học– Sinh học), 01 phòng Mỹ thuật – Khoa học xã hội, 01 phòng Âm nhạc – Khoa học xã hội, 01 phòng Hội trường – Ngoại ngữ, 01 phòng Tin học – Ngoại ngữ và trang thiết bị giảng dạy đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, các phòng đảm bảo phục vụ tốt các sinh hoạt và giáo dục truyền thống cho học sinh [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có 01 phòng hoạt động Đoàn – Đội, 01 phòng Thư viện, 01 phòng Truyền thống [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường được xây dựng gồm 01 trệt, 01 lầu, có 28 phòng học. Diện tích phòng học đáp ứng theo quy định của Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, trường bố trí 01 góc phòng học thuận lợi cho học sinh khuyết tật di chuyển vào phòng học đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập, các phòng học bộ môn được xây dựng đáp ứng yêu cầu dạy học [H3-3.1-02].

b) Khôi phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.1-02].

Nhà trường có 01 phòng hoạt động Đoàn – Đội (Phòng hoạt động Đội được trang trí đầy đủ bảng biểu, bàn ghế, tủ lưu giữ bảo quản hồ sơ sổ sách để phục vụ sinh hoạt cho Ban chỉ huy Liên đội, 01 phòng Thư viện (Các loại sách báo trong thư viện được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học, thuận tiện cho việc tra cứu, mượn, trả sách trong thư viện [H1-1.6-09]. Có khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh), 01 phòng Truyền thống (Phòng truyền thống được trang trí các bảng biểu, tranh ảnh, mô hình, giấy khen, hiện vật, kỷ vật đẹp mang tính giáo dục cho học sinh hằng năm), 02 phòng Thiết bị có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học toàn trường, 01 phòng tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập được bố trí tầng trệt dãy phòng hành chính [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Các phòng học bộ môn được trang bị các thiết bị dạy học đáp ứng chương trình dạy học chưa đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng học và phòng bộ môn, phòng hoạt động Đoàn – Đội, thư viện và phòng truyền thống được xây dựng đạt theo tiêu chuẩn quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Trang thiết bị giảng dạy đầy đủ, đúng quy định, đủ bàn ghế, đảm bảo đủ ánh sáng, quạt mát, các phòng đảm bảo phục vụ tốt các sinh hoạt và giáo dục truyền thống cho học sinh.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt, những học sinh hòa nhập, khuyết tật tham gia tất cả các hoạt động giáo dục, vui chơi cùng với những học sinh bình thường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025 và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi xây dựng thêm phòng hoạt động giáo dục theo quy định, cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt, học sinh hòa nhập, khuyết tật có cơ hội được cùng tham gia tất cả các hoạt động giáo dục, vui chơi cùng với những học sinh bình thường.

Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính – quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính – quản trị của nhà trường.

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính – quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính – quản trị theo quy định; khu bếp ăn, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính – quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Khối hành chính – quản trị có các phòng gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng Văn phòng, 01 phòng Bảo vệ, 04 nhà vệ sinh giáo viên (02 nhà vệ sinh nam, 02 nhà vệ sinh nữ) đáp ứng hoạt động của trường. [H3-3.1-02].

b) Trường có 01 nhà xe giáo viên đều có mái che, rộng rãi thoáng mát đảm bảo đảm đúng yêu cầu [H3-3.1-02].

c) Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính – quản trị [H3-3.3-01].

Mức 2:

Nhà trường trang bị cho mỗi phòng hành chính – quản trị 01 máy vi tính, 01 máy in có kết nối Internet, quạt trần, máy lạnh, bàn làm việc, tủ đựng hồ sơ được sắp xếp khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.3-02]. Trường có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể có 01 phòng được trang bị đầy đủ thiết bị theo quy định hiện hành [H3-3.3-03].

Nhà trường có phòng ăn, phòng ngủ riêng biệt cho học sinh bán trú, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.1-02].

Mức 3:

Khối hành chính – quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học nhưng máy tính và các thiết bị đã cũ nên chưa hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Khối hành chính – quản trị theo quy định đảm bảo các hoạt động nhà trường. Có phòng ăn, phòng ngủ riêng biệt cho học sinh bán trú. Các khối phòng được bố trí được bố trí hợp lý, khoa học, đảm bảo vệ sinh, đảm bảo an toàn.

3. Điểm yếu

Máy tính và các thiết bị của phòng hành chính đã cũ nên chưa hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng tiếp tục có kế hoạch dự trù kinh phí sửa chữa nhỏ, mua sắm, bổ sung trang thiết bị hằng năm để đảm bảo hoạt động giáo dục trong nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo bảo vệ thường xuyên kiểm tra và đảm bảo công tác bảo vệ tài sản nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam và nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 02 khu vệ sinh riêng cho học sinh nam, nữ và 02 khu vệ sinh riêng biệt cho giáo viên đảm bảo tiêu chuẩn “xanh, sạch đẹp, thân thiện, an

toàn”, khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập, đảm bảo không ô nhiễm môi trường [H3-3.1-02];

b) Trường có hệ thống thoát nước nội bộ đấu nối với hệ thống thoát nước bên ngoài đạt yêu cầu, nguồn nước dùng để sinh hoạt là nước sạch do Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn cung cấp [H3-3.4-01] và nguồn nước uống là nước tinh khiết đóng chai hiệu Vĩnh Hảo [H3-3.4-02].

c) Trường có hợp đồng thu gom rác để đảm bảo vệ sinh trường học [H3-3.4-03].

Mức 2:

a) Nhà trường vừa được cải tạo mới các phòng vệ sinh sạch sẽ, nhà vệ sinh nằm ở cuối hành lang, thoáng mát đảm bảo thuận tiện và phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.3-02].

b) Sử dụng nguồn nước uống từ công ty cấp nước có đủ điều kiện cung cấp nước uống đóng chai theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 6 -1:2010/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống đóng chai [H3-3.4-01].

Sử dụng nguồn nước sinh hoạt theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN 02: 2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/06/2009 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước sinh hoạt [H3-3.4-02].

Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường [H3-3.4-03]. Tuy nhiên, việc thu gom rác vẫn chưa đáp ứng tình hình thực tế của đơn vị, rác còn tồn đọng nhiều [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Trường THCS Tân An Hội đảm bảo tiêu chuẩn “xanh, sạch đẹp, thân thiện, an toàn”, nhà trường cung cấp đầy đủ nước uống và nguồn nước sinh hoạt cho học sinh và giáo viên, nhân viên; Khuôn viên nhà trường thường xuyên được vệ

sinh sạch sẽ, có hệ thống thùng đựng rác theo phân loại và thu gom xử lý rác, chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ thân thiện với học sinh.

3. Điểm yếu

Do địa bàn xã quá rộng nên việc thu gom rác chỉ tiến hành 02 ngày/ lần nên không thuận tiện cho nhà trường trong quá trình thu gom và xử lý rác thải hàng ngày.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương lập tờ trình kiến nghị với công ty thu gom rác có kế hoạch thu gom rác vào các buổi cuối ngày, để tránh tình trạng rác tồn đọng ảnh hưởng đến môi trường và cảnh quan khuôn viên xung quanh trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ mọi hoạt động của nhà trường.

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học cho giáo viên và học sinh.

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định. Việc sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ lên lớp và tự làm một số đồ dùng dạy học của giáo viên đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Hằng năm, nhà trường luôn bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ máy vi tính, máy in, máy photo copy, ... và các thiết bị văn phòng phục vụ mọi hoạt động của nhà trường như: hệ thống âm thanh; 01 máy chiếu trang bị cho phòng hội trường; 02 tivi màn hình Led 65 inch, 75 inch; 01 laptop, 45 máy vi tính cho phòng tin học. [H1-1.6-07].

b) Nhà trường trang bị cho mỗi môn học đầy đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định [H3-3.5-01]; [H1-1.6-07].

c) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch kiểm kê trang thiết bị, hợp đồng sửa chữa, nâng cấp, bổ sung thiết bị văn phòng và thiết bị dạy học [H3-3.5-01].

Mức 2:

a) Tất cả các phòng hành chính – quản trị, phòng học, phòng bộ môn đều có hệ thống máy tính, 28 lớp học được trang bị đủ ti vi được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-01]; [H1-3.5-03].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định. Giáo viên sử dụng và khai thác triệt để các thiết bị dạy học khi lên lớp [H3-3.5-02]. Trường xây dựng kế hoạch làm đồ dùng dạy học triển khai đến tất cả các tổ bộ môn [H3-3.5-03].

c) Vào đầu năm học, các bộ phận có đề xuất bổ sung thiết bị phục vụ cho công tác [H3-3.5-01]; có kế hoạch làm đồ dùng dạy học cho giáo viên [H3-3.5-03].

Mức 3:

Giáo viên khai thác sử dụng thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm hiệu quả trong các tiết dạy giúp học sinh dễ hiểu bài và tiết học thêm phong phú, sinh động nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Tuy nhiên số lượng đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên chưa nhiều [H3-3.5-03].

2. Điểm mạnh

Các thiết bị dạy học và các đồ dùng được nhà trường trang bị đầy đủ, sắp xếp gọn gàng ngăn nắp, các thiết bị có kết nối internet đảm bảo thuận tiện cho

công tác quản lý và dạy học của cán bộ giáo viên nhân viên cũng như hoạt động học tập của học sinh. Hằng năm các thiết bị đồ dùng được bảo trì bảo dưỡng và bổ sung kịp thời. Giáo viên sử dụng hiệu quả đặc biệt khai thác tivi để ứng dụng công nghệ thông tin gây hứng thú cho học sinh trong quá trình giảng.

3. Điểm yếu

Số lượng đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ đầu năm 2024 – 2025 và các năm tiếp theo Hiệu trưởng phối hợp Công đoàn và tham mưu bộ phận thi đua có kế hoạch đẩy mạnh phong trào làm đồ dùng dạy học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

c) Hằng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng Thư viện được cải tạo mới khang trang, sạch sẽ, trang bị kệ sách với đầy đủ sách, báo, tranh ảnh giáo dục, tạp chí, có tủ đựng sách, băng đĩa, sách giáo khoa [H3-3.6-01], có sổ theo dõi cho mượn sách, tranh ảnh, có bàn đọc sách tiện lợi, trang bị máy vi tính có kết nối internet cho học sinh và giáo viên để nghiên cứu, tìm hiểu thêm thông tin trên mạng giúp ích cho việc dạy và học [H3-3.6-02].

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng được nhu cầu cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đến nghiên cứu, mượn sách và giải trí cả ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu; các danh mục, đầu và bản sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật được thông kê đầy đủ và sắp xếp khoa học [H3-3.6-03]; có đầy đủ các loại sổ sách theo dõi mượn, trả sách, báo, tạp chí được lưu trữ tại hồ sơ thư viện [H3-3.6-02]. Hằng năm, nhân viên thư viện phối hợp cùng các tổ chuyên môn triển khai tổ chức nhiều chuyên đề, hội thi, triển lãm nhằm giúp giáo viên và học sinh tiếp cận nhiều hơn với sách [H3-3.6-04].

c) Hằng năm, nhà trường có kiểm kê, bổ sung sách, mua báo thiếu nhi, báo Pháp Luật, báo Tuổi trẻ, Sài Gòn giải phóng, tranh ảnh giáo dục, sách giáo khoa đáp ứng yêu cầu cho học sinh học và việc dạy của giáo viên [H3-3.6-03]; [H3-3.6-05].

Mức 2:

Trong 5 năm vừa qua, thư viện của nhà trường được đánh giá là Thư viện đạt chuẩn. Phòng thư viện có máy tính được kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, có phần mềm quản lý thư viện [H3-3.3-01]; [H3-3.5-01].

Mức 3:

Năm 2018, Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học xuất sắc, phòng thư viện được trang bị đầy đủ trang thiết bị, phần mềm quản lý thư viện. Tuy nhiên, diện tích thư viện nhà trường còn nhỏ nên trường chỉ trang bị 01 máy tính cho giáo viên và 01 máy tính cho học sinh, chưa đáp ứng hết được nhu cầu đọc – tra cứu – tìm hiểu thông tin trên hệ thống Thư viện điện tử [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng thư viện hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và đủ điều kiện đủ điều kiện phục vụ bạn đọc. Hằng năm nhà trường mua sắm bổ sung các đầu sách, báo chí, gia kệ và máy tính đảm bảo theo nhu cầu bạn đọc được sắp xếp khoa học. Nhân viên thư viện phối hợp tốt công tác quản lý ghi chép theo dõi mượn trả sách trong tuần được cập nhật vào sổ theo dõi đầy đủ nghiêm túc và triển khai tổ chức nhiều chuyên đề, hội thi, triển lãm nhằm giúp giáo viên và học sinh tiếp cận nhiều hơn với sách.

3. Điểm yếu

Phòng thư viện đã được trang bị máy vi tính có kết nối Internet nhưng do diện tích phòng Thư viện còn nhỏ nên chỉ trang bị được 01 máy tính cho giáo viên và 01 máy tính cho học sinh, chưa đáp ứng được nhu cầu đọc – tra cứu – tìm hiểu thông tin trên hệ thống Thư viện điện tử.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu, đề xuất kinh phí chi mua sắm, bổ sung máy tính có kết nối internet, rà soát lại hệ thống hoạt động của các phòng chức năng trong nhà trường để mở rộng thêm một phòng máy tính cho thư viện để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

- Điểm mạnh nổi bật:

+ Cơ sở trường xanh, sạch, đẹp, khang trang, thoáng mát, có lưới che, có màn hình sáo, có các vòm cây xanh để che mát cho học sinh.

+ Trường có lắp đặt hệ thống camera nhằm đảm bảo an toàn, đảm bảo tốt an ninh cho học sinh và bảo vệ tốt tài sản của nhà trường.

+ Trường có các phòng học, được xây dựng đúng quy cách. Trang thiết bị giảng dạy đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đủ ánh sáng, đủ bàn ghế, các phòng đảm bảo phục vụ tốt các sinh hoạt và giáo dục truyền thống cho học sinh.

+ Khối hành chính - quản trị theo quy định đảm bảo hiệu quả các hoạt động nhà trường. Có phòng ăn, phòng ngủ riêng biệt cho học sinh bán trú. Các khối phòng được bố trí hợp lý, khoa học, đảm bảo vệ sinh, đảm bảo an toàn.

+ Các khu vệ sinh của Nhà trường được Chi đoàn, Liên đội trồng và trang trí thêm cây cảnh để tạo cảnh quan xanh.

+ Trường đảm bảo tiêu chuẩn “xanh, sạch đẹp, thân thiện, an toàn” và bố trí các thùng rác đảm bảo việc phân loại rác, nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, môi trường thân thiện với học sinh.

+ Phòng thiết bị được bố trí trang thiết bị, đồ dùng dạy học đầy đủ, hợp lý nên thuận tiện cho việc giáo viên mượn đồ dùng dạy học và các thiết bị dạy học hiện đại. Ngoài ra, trường còn có tủ đựng thiết bị được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng. Giáo viên thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong quá trình giảng dạy bằng cách thường xuyên sử dụng tivi của các lớp học.

+ Nhà trường có quan tâm và đầu tư cho hoạt động của thư viện như mua sắm phần mềm quản lý thư viện. Thư viện hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đủ điều kiện phục vụ bạn đọc. Lượng báo chí, các loại sách có bổ sung hằng năm.

- Điểm yếu cơ bản:

+ Bãi tập đang tận dụng khu vực gửi xe nên mái che còn thấp, nắng nóng, ảnh hưởng việc tập luyện thể thao của học sinh.

+ Trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt, những học sinh hòa nhập, khuyết tật tham gia tất cả các hoạt động giáo dục, vui chơi cùng với những học sinh bình thường. Một số bàn ghế học sinh còn kém chất lượng nên dễ hư hỏng.

+ Máy tính và các thiết bị của phòng hành chính đã cũ nên chưa hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

+ Số lượng đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên còn ít.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để thực hiện nhiệm vụ được giao, nhà trường phổ biến, tuyên truyền pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục. Nhà trường tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức cá nhân trong chiến lược phát triển nhà trường.

Nhà trường đề cao và phối hợp tốt với địa phương, với Ban đại diện Cha mẹ học sinh đảm bảo mối quan hệ giữa ba môi trường: nhà trường, gia đình và xã hội luôn được thực hiện tốt nhất, nhằm làm tăng hiệu quả giáo dục toàn diện học sinh.

Ban đại diện Cha mẹ học sinh cũng luôn gắn bó và hỗ trợ nhà trường có hiệu quả trong mọi hoạt động. Đảng ủy và chính quyền cùng các ban ngành, đoàn thể xã luôn quan tâm và tạo điều kiện để nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục tại địa phương.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện Cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với Cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường được thành lập, có tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động đúng Điều lệ của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm: 1 trưởng ban, 2 phó ban và các thành viên [H1-1.3-05].

b) Sau khi thành lập, Ban đại diện Cha mẹ học sinh và lãnh đạo nhà trường tổ chức họp định kỳ (đầu năm, cuối học kỳ, cuối năm) để xây dựng kế hoạch khen

thường, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đạo đức cho học sinh [H4-4.1-01].

c) Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện các kế hoạch đúng tiến độ, tổ chức Đại hội cha mẹ học sinh đúng thời điểm. Sau khi bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh, tổ chức họp, thống nhất các nhiệm vụ của năm học. Tổ chức họp định kỳ Ban đại diện cha mẹ học sinh ít nhất 03 lần trong năm. Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường, tích cực tham gia xây dựng nhà trường về cơ sở vật chất, về tài trợ giáo dục [H4-4.1-02].

Mức 2:

Tháng 9 hằng năm, Ban đại diện Cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với lãnh đạo nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục của nhà trường tổ chức. Ban đại diện Cha mẹ học sinh đã cùng nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách giáo dục cho học sinh. Ban đại diện Cha mẹ học sinh của lớp, trường phối hợp tốt với nhà trường góp phần huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp, trường [H4-4.1-02]. Tháng 10 hằng năm, nhà trường và Ban đại diện Cha mẹ học sinh kết hợp với Công an xã cam kết thực hiện an toàn giao thông [H1-1.10-08].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh chủ động phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội, tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất với cha mẹ học sinh để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, các buổi họp Ban đại diện Cha mẹ học sinh chưa đóng góp nhiều ý kiến cho công tác giáo dục của nhà trường [H4-4.1-01], [H4-4.1-02].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện Cha mẹ học sinh các lớp, Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường được tổ chức, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định Thông tư số

55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường có kế hoạch phối hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền đến các Cha mẹ học sinh có trách nhiệm quản lý giáo dục đạo đức học sinh, khen thưởng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém.

Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường, tích cực tham gia xây dựng nhà trường về cơ sở vật chất, về tài trợ giáo dục.

3. Điểm yếu

Trong các cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp ít đóng góp ý kiến về công tác giáo dục cho nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường phát huy hơn nữa nhiệm vụ, chức trách của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Điều lệ của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định như tổ chức các phiên họp hằng tháng, định kỳ giữa cha mẹ học sinh với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn để đánh giá tình hình hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp cũng như đánh giá kết quả học tập của học sinh. Trên cơ sở đó, cha mẹ học sinh đề ra giải pháp khắc phục khó khăn và mạnh dạn đóng góp ý kiến cho nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể trong nhà trường (Ban đại diện Cha mẹ học sinh, Đoàn – Đội, Hội khuyến học,...), tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức ngoài nhà trường, tổ chức xã hội nghề nghiệp hỗ trợ cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền các biện pháp ngăn chặn tình trạng học sinh nghỉ bỏ học và nâng cao chất lượng giáo dục [H4-4.2-01]; [H2-2.4-04].

b) Qua các cuộc họp giao ban với chính quyền địa phương, các kế hoạch giáo dục và các kế hoạch hoạt động của nhà trường được đăng trên website của trường đã góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.1-03].

c) Hằng năm, trường đã huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, từ Chi hội Khuyến học, Ban đại diện Cha mẹ học sinh nhằm phục vụ cho việc khen thưởng học sinh giỏi, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và bổ sung cơ sở vật chất thiết yếu phục vụ học sinh [H4-4.2-01]; [H2-2.4-05]; sử dụng hiệu quả nguồn tài trợ từ quỹ an sinh xã hội của các đơn vị đề trang bị thêm các thiết bị dạy học [H1-1.6-13].

Mức 2:

a) Nhà trường tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển về kế hoạch tuyển sinh đầu cấp và duy trì sĩ số, huy động học sinh ra lớp [H4-4.2-02], hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.2-01]; [H2-2.4-04], phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở [H2-2.2-03].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể, phối hợp với hội cựu chiến binh trong việc tuyên truyền ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam qua đó giúp học sinh hiểu và tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc, từ đó, các em sẽ ra sức cố gắng học tập để xây dựng đất nước ngày càng phát triển hơn [H4-4.2-03]. Xây dựng kế hoạch tổ chức học sinh tham quan, chăm sóc các di tích lịch sử, các hoạt động văn nghệ và tham gia thi thể thao [H2-2.4-03], [H4-4.2-04], [H4-4.2-05]. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề tuyên truyền về an ninh trật tự, an toàn giao thông, kỹ năng tự vệ đối với học sinh [H1-1.10-09].

Mức 3:

Trường Trung học cơ sở Tân An Hội chủ động tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân xã Tân An Hội, phối hợp Ban đại diện Cha mẹ học sinh thực hiện các kế hoạch giáo dục và các biện pháp phát triển Trường trung học cơ sở Tân An Hội [H1-1.1-05], từng bước xây dựng trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và tiến tới được công nhận trường chuẩn Quốc gia; Trường Trung học cơ sở Tân An Hội phối hợp tốt với các tổ chức chính trị - xã hội như, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh lên kế hoạch và tổ chức cho học sinh thăm hỏi Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, dọn dẹp và thắp hương đền tưởng niệm liệt sĩ xã Tân An Hội. Tuy nhiên việc tổ chức thực hiện chưa thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Tân An Hội đã làm tốt công tác tham mưu Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân xã Tân An Hội trong việc thực hiện các kế hoạch giáo dục và kế hoạch phát triển của trường.

3. Điểm yếu

Tổ chức cho học sinh thăm hỏi Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, dọn dẹp và thắp hương đền tưởng niệm liệt sĩ xã Tân An Hội. Tuy nhiên việc tổ chức thực hiện chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Tân An Hội tiếp tục thực hiện tốt công tác tham mưu lãnh đạo địa phương để thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục của nhà trường. Lãnh đạo nhà trường có kế hoạch phân công, chỉ đạo Bí thư Chi đoàn giáo viên, Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Liên đội trường Trung học cơ sở Tân An Hội phối hợp với Xã đoàn Tân An Hội xây dựng kế hoạch và đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện tốt các hoạt động giáo dục lịch sử truyền thống cho học sinh góp phần giáo dục các em tinh thần đền ơn đáp nghĩa, tinh thần yêu quê hương đất nước.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

- Điểm mạnh nổi bật:

+ Ban đại diện Cha mẹ học sinh các lớp, Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường được tổ chức, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

+ Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường có kế hoạch phối hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền đến các Cha mẹ học sinh có trách nhiệm quản lý giáo dục đạo đức học sinh, khen thưởng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém.

+ Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường, tích cực tham gia xây dựng nhà trường về cơ sở vật chất, về tài trợ giáo dục.

+ Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Tân An Hội đã làm tốt công tác tham mưu Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân xã Tân An Hội trong việc thực hiện các kế hoạch giáo dục và kế hoạch phát triển của trường.

- Điểm yếu cơ bản:

+ Trong các cuộc họp chi hội Cha mẹ học sinh lớp đa số cha mẹ học sinh ít

đóng góp ý kiến cho nhà trường.

+ Tổ chức cho học sinh thăm hỏi Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, dọn dẹp và thắp hương đền tưởng niệm liệt sĩ xã Tân An Hội. Tuy nhiên việc tổ chức thực hiện chưa thường xuyên.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.

Mở đầu

Hằng năm, nhà trường triển khai đầy đủ kế hoạch hoạt động giáo dục đến toàn thể hội đồng sư phạm và đến Ban đại diện Cha mẹ học sinh. Các bộ phận, các tổ đều nắm vững các biện pháp thực hiện kế hoạch đề ra. Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bộ phận chuyên môn đề ra kế hoạch thực hiện, nêu các biện pháp cụ thể, khả thi như đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, thực hiện chuyên đề, thao giảng, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, tổ chức tốt các phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho học sinh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Do vậy, kết quả học tập của học sinh đạt nhiều thành tích khả quan. Chất lượng chung về đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh luôn ổn định, đặc biệt là kết quả học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp Huyện, cấp Thành phố và đạt giải trong các Hội thi, phong trào mỗi năm đều tăng. Bên cạnh đó, giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề đạt kết quả tốt, góp phần quan trọng nâng cao thành tích chung của nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1.

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2.

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3.

Hằng năm rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông và Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.8-02].

b) Tổ chuyên môn, giáo viên khi xây dựng kế hoạch chuyên môn và kế hoạch giảng dạy đã vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, kỹ thuật dạy học vào từng chủ đề và hướng dẫn học sinh phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh [H1-1.4-05]. Tuy nhiên khả năng làm việc theo nhóm của một số học sinh còn hạn chế.

c) Nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng tự học và vận dụng sáng tạo của học sinh, cán bộ quản lý nhà trường chỉ đạo các tổ bộ môn đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá, xây dựng đề kiểm tra theo dạng chuẩn PISA có ma trận đảm bảo 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao [H1-1.4-05] và tổ chức nhiều hình thức kiểm tra đánh giá, tổ chức chặt

chế, nghiêm túc, đúng quy chế các kỳ kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; dựa trên qui trình ra đề kiểm tra đánh giá và bài làm học sinh, thống nhất trong tổ nhóm chuyên môn, báo cáo từng bộ môn về hoạt động cũng như thống kê chất lượng bộ môn cho Phòng Giáo dục và Đào tạo mỗi học kỳ [H1-1.4-05].

Mức 2

a) Hằng năm, từng giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân theo hướng dẫn thực hiện chương trình, chú trọng đến từng đối tượng học sinh, qua các kỳ kiểm tra, đánh giá và quá trình học tập của học sinh [H1-1.4-04], nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức phụ đạo học sinh có kết quả học tập chưa đạt theo từng môn [H5-5.1-03].

b) Nhà trường lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra chọn học sinh giỏi các môn để lựa chọn các em có năng khiếu tham gia các kỳ kiểm tra học sinh giỏi huyện và Thành phố vào cuối năm học. Tuy nhiên, số lượng học sinh giỏi các bộ môn chưa đồng đều, trong quá trình dạy học và các kỳ kiểm tra, giáo viên bộ môn lập danh sách học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện phụ đạo cho các em học sinh [H5-5.1-03].

Mức 3

Từng học kỳ, nhà trường đều thực hiện việc đánh giá rút kinh nghiệm công tác dựa trên chất lượng giảng dạy từng bộ môn so với chất lượng toàn trường và toàn huyện [H1-1.9-01]. Từ đó, giáo viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập kinh nghiệm từ đồng nghiệp thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn liên trường, trong tổ, chủ động nâng cao chất lượng giảng dạy [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc quy định về thời gian dạy học, tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục. Phó Hiệu trưởng xây dựng đầy đủ kế hoạch phù hợp tình hình đơn vị, nhất là về phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức thực hiện các chuyên đề, thao giảng để cùng nhau học tập rút kinh nghiệm, nâng cao tay nghề.

3. Điểm yếu

Khả năng làm việc theo nhóm của một số học sinh còn hạn chế.

Số lượng học sinh giỏi các bộ môn chưa đồng đều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường sẽ tiếp tục thực hiện dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục; Tăng cường bồi dưỡng khả năng tự học và làm việc theo nhóm cho học sinh; vận động các em mạnh dạn đăng ký và tham gia dự thi học sinh giỏi đều hơn giữa các bộ môn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1.

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2.

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3.

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch và lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhằm hỗ trợ tạo điều kiện để các em đến trường, tự tin học tập [H4-4.2-01]. Vì vậy, ngoài giờ học chính khóa nhà trường còn xây dựng kế hoạch dạy phụ đạo cho học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, trong đó coi trọng hướng dẫn phương pháp, cách học, tính tự giác, tinh thần vượt khó học tập là chính vì các em đa số trong giờ học trên lớp; cùng với đó, nhà trường cũng luôn quan tâm đến công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu để các em vươn lên trong học tập và tạo điều kiện cho các em phát huy năng khiếu, sở trường của bản thân [H5-5.1-03].

b) Vào đầu năm học, nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội nắm tình hình, lập danh sách học sinh nghèo, cận nghèo, gia đình khó khăn nhà trường có kế hoạch vận động hỗ trợ từ các nguồn lực, mạnh thường quân nhà trường giúp đỡ các em trong năm học [H4-4.2-01]. Đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện thì giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn phối hợp để lập danh sách trình hiệu trưởng có kế hoạch tổ chức phụ đạo, theo dõi, kèm cặp, hướng dẫn trực tiếp trên lớp. Đối với phong trào học sinh giỏi, nhà trường phân công giáo viên bộ môn có trách nhiệm phát hiện, có kế hoạch quan tâm bồi dưỡng, khuyến khích, định hướng, tạo điều kiện để học sinh giỏi phát huy năng khiếu. Cuối năm học lớp 8, nhà trường tổ chức tư vấn để học sinh lựa chọn môn bồi dưỡng thành lập đội tuyển các môn học. Nhà trường xây dựng kế hoạch, phân công giáo viên có năng lực, kinh nghiệm, có điều kiện, thời gian dạy bồi dưỡng, tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn học sinh giỏi tự ôn tập trong hè. Công tác quản lý được nhà trường xây dựng kế hoạch, nội dung giảng dạy, xây dựng thời gian bồi dưỡng cụ thể [H5-5.1-03].

Để tạo nguồn học sinh tham gia các kỳ thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp huyện, cấp thành phố, nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch cho học sinh xây dựng ý tưởng, sau đó chọn những ý tưởng hay có khả năng ứng dụng trong học tập và thực tiễn cuộc sống để phân công giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia các hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng và đạt kết quả tốt [H5-5.1-03].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo tháng, theo học kỳ. Dựa vào kết quả học tập và rèn luyện, các tổ nhóm chuyên môn rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp để thực hiện có hiệu quả hơn hoạt động giáo dục của nhà trường [H5-5.1-03].

Mức 2:

Để đảm bảo chất lượng học tập của học sinh, trường tổ chức thực hiện dạy học 02 buổi/ngày. Giáo viên chủ nhiệm rà soát, lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn của lớp để phối hợp cùng giáo viên bộ môn động viên, khuyến khích, tạo điều kiện để các em học tập và rèn luyện đạt kết quả tốt hơn [H5-5.1-03]. Lãnh đạo nhà trường, các mạnh thường quân cùng với giáo viên chủ nhiệm các lớp xét hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn để các em có thêm động lực vươn lên trong học tập. Kết quả hằng năm tỷ lệ học sinh khá giỏi luôn ổn định ở mức cao và tỷ lệ học sinh yếu kém giảm; học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu luôn được quan tâm và tạo điều kiện để phát triển, những học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện nhà trường có lập kế hoạch của tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn hướng dẫn, kèm cặp, kiểm tra, giúp đỡ để các em học tập tốt. Số học sinh có hoàn cảnh khó khăn bỏ học giảm, học sinh yếu, kém được theo dõi thường xuyên, được tạo mọi điều kiện hỗ trợ học tập, rèn luyện. Từ đó, kết quả hoạt động giáo dục cho học sinh đạt được mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.1-04].

Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên bộ môn sinh hoạt, hướng dẫn các em có học lực khá giỏi đăng ký tham gia vào đội tuyển thi học sinh giỏi cấp Huyện. Nhà trường đều xây dựng kế hoạch và khuyến khích học sinh nghiên cứu, sáng tạo sản phẩm khoa học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong cuộc sống. Tổ trưởng tổ chuyên môn Năng khiếu xây dựng kế hoạch, tổ chức và tuyển chọn học sinh có năng khiếu để thành lập đội tuyển tập luyện tham gia dự thi Hội khỏe Phù Đổng các cấp, tham gia Hội thi văn nghệ, thể thao, các hoạt động do Nhà Thiếu nhi huyện Củ Chi, Hội đồng Đội huyện Củ Chi hoặc Trung tâm Thể dục Thể thao huyện Củ Chi tổ chức [H5-5.1-03].

Mức 3:

Những năm qua, nhà trường có học sinh giỏi môn văn hóa đạt các giải cao trong kỳ thi cấp huyện, thành phố. Ngoài ra trường có nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi, các giải đấu phong trào cấp huyện, thành phố, học sinh đạt giải trong các kỳ thi “Olympic tháng 4” hằng năm [H1-1.1-04], [H2-2.4-03]. Tuy nhiên số học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Thành phố chưa cao.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh khá giỏi luôn ổn định ở mức cao và tỷ lệ học sinh yếu kém giảm; học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu luôn được quan tâm và tạo điều kiện để phát triển.

3. Điểm yếu

Số học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Thành phố chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024 – 2025, Hiệu trưởng chỉ đạo công tác Đoàn, Đội, cùng giáo viên chủ nhiệm tăng cường tổ chức các hoạt động vui chơi bổ ích nhằm tạo sân chơi cho các em, giảm căng thẳng trong học tập, tạo môi trường thân thiện, gắn kết trong giáo dục; từ đó xây dựng ý thức, thái độ học tập tốt.

Tổ chức tốt, hiệu quả hơn việc hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn về vật chất và hướng dẫn các em học tập. Tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn đổi mới phương pháp giảng dạy để thu hút học sinh tham gia đăng kí thi học sinh giỏi đặc biệt là những môn văn hóa có ít học sinh tham gia, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị.

Lãnh đạo nhà trường phối hợp với Ban đại diện Cha mẹ học sinh, vận động xã hội hóa, các mạnh thường quân nhằm tăng cường quỹ khen thưởng động viên, khuyến khích kịp thời hơn đối với học sinh đạt giải học sinh giỏi, học sinh năng khiếu các cấp để góp phần nâng cao hơn thành tích của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định****Mức 1:**

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch.

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

Mức 3:

Bước đầu học sinh có ý thức tham gia các hoạt động giáo dục địa phương theo hướng dẫn của người phụ trách.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Từ năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường có các nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đã phân công giáo viên giảng dạy nội dung giáo dục địa phương theo kế hoạch từng năm học các khối; khối 6, 7, 8 theo chương trình giáo dục Phổ thông 2018. Đối với khối 9 thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại Công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các môn Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, Ngữ văn, Công nghệ, Thể dục, Mỹ thuật và Âm nhạc góp phần đảm bảo mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn cuộc sống [H1-1.8-02]. Qua đó, giúp các em hiểu biết thêm về đặc điểm kinh tế – xã hội của địa phương, bồi dưỡng tình cảm và niềm tự hào của các em đối với quê hương thông qua tổ chức tham quan kết hợp học tập ngoại khóa chương trình giáo dục địa phương. Tuy nhiên, là môn học mới giáo viên đảm nhiệm chưa được đào tạo bài bản, phần lớn nhà trường phải phân công chéo môn và giáo viên phải tự nghiên cứu bài học để giảng dạy [H1-1.4-05]; [H5-5.3-01].

b) Việc kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương được thực hiện theo phân phối chương trình và kế hoạch của tổ nhóm chuyên môn. Học sinh được

kiểm tra, đánh giá bằng hình thức bài kiểm tra trên lớp hoặc bài thu hoạch qua hoạt động trải nghiệm thực tế [H1-1.4-04]; [H5-5.3-02].

c) Hằng năm, các tổ trưởng ở các bộ môn có rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương theo kế hoạch hợp chuyên môn của bộ môn giáo dục địa phương Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi theo mỗi học kì. Tuy nhiên, tư liệu về chương trình giáo dục địa phương còn ít, chưa phong phú và đa dạng, giáo viên phải tự tìm tòi và thiết kế bài giảng nên một số nội dung chưa đạt hiệu quả cao [H5-5.3-03].

Mức 2:

Các nội dung giáo dục địa phương được thực hiện theo quy định tại công văn số 1106/BGDĐT-GDTrH ngày 20/3/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được bổ sung phù hợp với thực tế, mục tiêu của môn học, Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung Giáo dục địa phương theo kế hoạch, tổ chức được các hình thức lồng ghép giáo dục địa phương với các hoạt động học tập trải nghiệm ngoại khoá [H2-2.4-03]; [H4-4.2-05]; [H5-5.3-01].

Mức 3:

Bước đầu học sinh có ý thức tham gia các hoạt động giáo dục địa phương theo hướng dẫn của Tổng phụ trách, Bí thư chi đoàn trường [H2-2.4-03]; [H4-4.2-05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung Giáo dục địa phương theo kế hoạch, tổ chức được các hình thức lồng ghép giáo dục địa phương với các hoạt động học tập trải nghiệm, ngoại khoá.

3. Điểm yếu

Tư liệu về chương trình giáo dục địa phương còn ít, chưa phong phú và đa dạng, giáo viên phải tự tìm tòi và thiết kế bài giảng nên một số nội dung chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, ngoài tài liệu Giáo dục địa phương của Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp nhà trường sẽ cập nhật bổ sung

thêm tư liệu giáo dục địa phương của các bộ môn trong thư viện để giáo viên và học sinh có điều kiện đọc, tìm hiểu, nghiên cứu để dạy và học chương trình địa phương có hiệu quả hơn.

Nhà trường sẽ tổ chức cho giáo viên trong nhà trường tham quan tìm hiểu các di tích lịch sử trên địa bàn Thành phố và địa phương, nhằm giúp giáo viên nắm thêm những kiến thức về địa phương và tìm hiểu các tư liệu chính thống để góp phần làm phong phú thêm tài liệu giáo dục địa phương. Từ đó giáo viên khắc phục khó khăn trong việc giảng dạy bộ môn này.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1.

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường.

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch.

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2.

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực.

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, Hiệu trưởng nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Trong đó có định hướng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H2-2.2-03].

b) Nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế và được sự hưởng ứng tích cực từ học sinh và phụ huynh [H4-4.2-05]. Nhà trường phân công giáo viên chủ

nhiệm kết hợp với Trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề cho học sinh lớp 9 với các nội dung định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở đạt hiệu quả [H2-2.2-03]. Hiệu trưởng phân công giáo viên công nghệ giảng dạy nghề điện cho học sinh khối 8, học sinh tham gia học tập nghiêm túc và đạt kết quả cao [H5-5.4-01].

c) Nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế cho học sinh đều có sự hỗ trợ tích cực từ các nguồn lực giáo viên, nhân viên, tất cả các bộ phận khi được huy động và thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công [H2-2.2-03].

Mức 2:

a) Kế hoạch hoạt động trải nghiệm hằng năm được xây dựng phù hợp với từng khối lớp, tổ chức cho học sinh tham quan thực tế, tổ chức diễn đàn, thực hiện dự án và nghiên cứu khoa học, hoạt động hướng nghiệp được triển khai với nhiều hình thức phong phú như phối hợp với các đơn vị trường Đại học, Cao đẳng, trường phối hợp với công ty GAIA dạy kỹ năng sống cho học sinh. Qua các tiết học, học sinh được trang bị các kiến thức, thái độ và kỹ năng phù hợp, từ đó hình thành cho học sinh những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực, loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong cuộc sống; tạo cơ hội cho học sinh có khả năng xử lý mọi vấn đề xảy ra trong sinh hoạt hằng ngày. Các tiết học kỹ năng sống được công ty xây dựng kế hoạch bài dạy phong phú, thu hút 100% học sinh tham gia [H5-5.5-01].

b) Trong thực hiện, Tổng phụ trách đánh giá, rút kinh nghiệm về việc tổ chức cho giáo viên và học sinh thực hiện hoạt động học tập trải nghiệm, hướng nghiệp trong buổi sinh hoạt dưới cờ; có rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo định kỳ và nhận thấy các em đã được mở rộng hơn về kiến thức, hiểu biết về cuộc sống tốt hơn, tự hào hơn về truyền thống tốt đẹp của quê hương đất nước; từ đó tích cực rèn luyện bản thân, nâng cao ý thức bảo tồn, phát huy di tích lịch sử – văn hóa và xây dựng quê hương [H2-2.4-03].

Các em học sinh khối 9 được tham gia hướng nghiệp nghề 100% và đã giúp các em trong việc lựa chọn tiếp tục học văn hóa hay học nghề phù hợp với điều

kiện của bản thân, gia đình, yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương, xã hội. Việc tham gia học nghề phổ thông hằng năm giúp học sinh có thêm kiến thức, rèn luyện kỹ năng cơ bản trong cuộc sống, tuy nhiên hoạt động trải nghiệm phần lớn chỉ thực hiện chung theo kế hoạch nhà trường mà chưa thực hiện thường xuyên thông qua tích hợp vào hoạt động của các môn học [H2-2.2-03]; [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp sát thực tế nên luôn thu hút lượng lớn cán bộ, giáo viên, nhân viên và các em học sinh tham gia.

3. Điểm yếu

Hoạt động trải nghiệm phần lớn chỉ thực hiện chung theo kế hoạch nhà trường mà chưa thực hiện thường xuyên thông qua tích hợp vào hoạt động của các môn học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường xây dựng kế hoạch lồng ghép hoạt động trải nghiệm thông qua tích hợp vào hoạt động của các môn học, tiếp tục phát huy các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong và ngoài nhà trường đã đạt được, tăng cường quản lý, giám sát, hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm để họ thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1.

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2.

- a) *Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện.*
- b) *Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.*

Mức 3.

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã phát triển một kế hoạch giáo dục toàn diện, bao gồm cả chương trình phổ cập bơi lội cho học sinh, bên cạnh đó, giáo dục kỹ năng sống được tích hợp một cách khéo léo vào các môn học chính khóa, và được mở rộng thông qua các buổi sinh hoạt tập thể, dã ngoại, và tham quan hướng nghiệp. Những hoạt động này không chỉ giúp học sinh rèn luyện thể chất mà còn trang bị cho các em những kỹ năng và kinh nghiệm thực tế, góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện của các em. Nhà trường có phối hợp với Công ty GAIA để giảng dạy kỹ năng sống cho học sinh [H5-5.5-01], [H5-5.5-02].

b) Hằng năm, nhà trường hợp tác chặt chẽ với các tổ chức và đoàn thể địa phương để tổ chức nhiều hội thi và chuyên đề phong phú dành cho học sinh. Các hoạt động này bao gồm hội thi tìm hiểu Luật Giao thông và chuyên đề về giáo dục giới tính. Thông qua những hoạt động giáo dục đa dạng này, học sinh không chỉ rèn luyện và tích lũy kỹ năng sống mà còn mở rộng hiểu biết về xã hội và thực hành pháp luật. Quá trình này đã mang lại những chuyển biến tích cực rõ rệt, giúp học sinh phát triển toàn diện và tự tin hơn trong cuộc sống hằng ngày [H5-5.5-03].

c) Nhà trường từng bước trang bị cho học sinh những kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp, từ đó giúp các em hình thành những hành vi và thói quen lành mạnh, tích cực. Qua quá trình này, học sinh không chỉ phát triển toàn diện mà còn dần loại bỏ những hành vi và thói quen tiêu cực, xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển cá nhân và xã hội [H5-5.4-01].

Mức 2:

a) Liên đội thường xuyên phát động các phong trào thi đua rèn kỹ năng sống cho học sinh: phong trào “Nói lời hay, làm việc tốt”, “Mắt thấy rác tay nhặt liền”, phong trào rèn tính chấp hành kỷ luật, thi đua học tập cho học sinh ngay từ đầu năm học mới nhằm hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện [H1-1.3-04].

b) Nhà trường chú trọng rèn luyện kỹ năng sống trong các hoạt động vui chơi, giải trí giúp học sinh được rèn luyện thường xuyên nhưng không cảm thấy nặng nề, thông qua hoạt động để rèn kỹ năng sống, tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, rèn luyện cho học sinh kỹ năng nhận diện vấn đề; biết xác định tình huống, tự khẳng định; biết cách từ chối khi bị người xấu lôi kéo, dụ dỗ; xử lý linh hoạt, sáng tạo các tình huống trong cuộc sống, đặc biệt là các tình huống nguy hiểm; tạo thói quen sinh hoạt tổ, nhóm trong học tập và các hoạt động giáo dục, thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa dưới hình thức các hội thi, các buổi tìm hiểu về Luật giao thông, giới tính từ đó hình thành và phát triển khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh [H5-5.4-01].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường có phát động học sinh nghiên cứu khoa học kết quả có 01 giải nhì hội thi khoa học kỹ thuật và vào vòng tuyển chọn cấp quốc gia, 01 Giải Nhất hội thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng lần thứ 19, 01 Giải khuyến khích Hội thi Lập trình Robot, 01 Giải khuyến khích Hội thi khéo tay kỹ thuật cấp Huyện, 01 Giải Ba hội thi Mô hình từ vật dụng tái chế cụm Tam Tân, 01 Giải 3 hội thi Giờ lập trình 2024, 01 giải khuyến khích sản phẩm mô hình trận chiến trên sông Bạch Đằng của dự án kỹ năng sống, vào top 20 sản phẩm tìm hiểu ngành Quản trị kinh doanh của dự án kỹ năng sống, tuy nhiên số lượng học sinh tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học chưa nhiều [H5-5.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để học sinh tham gia các chuyên đề và hội thi, nhằm mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện kỹ năng sống. Qua những

hoạt động này, học sinh không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn rèn luyện kỹ năng thực hành, góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho tương lai.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chú trọng nội dung nghiên cứu khoa học, phân công cụ thể cho các tổ chuyên môn tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và học sinh tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học. Tổ chức nhiều sân chơi, vận dụng kiến thức vào thực tiễn trong nhà trường, qua đó đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong giáo viên và học sinh, hình thành và phát triển toàn diện kỹ năng sống cho các em.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1.

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2.

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3.

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên.

Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên.

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên.

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông 8 (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường: học sinh xếp loại học lực từ trung bình (Đạt) trở lên luôn ổn định và ở mức cao, đáp ứng yêu cầu kế hoạch của nhà trường, hạnh kiểm: 100% xếp loại từ trung bình (Đạt) trở lên (không có hạnh kiểm chưa đạt) **[H1-1.1-06]**.

Năm học	2019 – 2020	2020 – 2021	2021 – 2022	2022 – 2023	2023 – 2024
Học lực	99,6%	99,5%	100%	99,3%	99,5%
Hạnh kiểm	100% khá tốt	100% khá tốt	100% khá tốt	100% khá tốt	100% khá tốt

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường **[H1-1.1-06]**.

Hàng năm, tỷ lệ học sinh lên lớp cao, đạt chỉ tiêu nhà trường đề ra, tốt nghiệp 100%.

Năm học	2019 – 2020	2020 – 2021	2021 – 2022	2022 – 2023	2023 – 2024
Lên lớp	99,6%	99,5%	100%	99,3%	99,5%
Tốt nghiệp THCS	100%	100%	100%	100%	100%

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường: Nhà trường làm tốt công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở, nhà trường tổ chức các buổi sinh hoạt hướng nghiệp cho học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo. Giáo viên giảng dạy có kế hoạch giáo dục hướng nghiệp cụ thể. Nhà trường phối hợp với trường Trung cấp nghề Củ Chi và Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp và Hướng nghiệp huyện Củ Chi, Trường Trung cấp Victory, Trường Dân lập cấp II, III Việt Âu sinh hoạt hướng nghiệp phân luồng cho học sinh khối 9. Bên cạnh đó, các trường Trung học phổ thông Củ Chi, Trung học phổ thông Quang Trung phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tư vấn trực tiếp cho học sinh cuối cấp thông qua các buổi sinh

hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ, họp Cha mẹ học sinh; Số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào lớp 10 và các hệ tương đương khá cao [H2-2.2-03].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.1-06].

Năm học	2019 – 2020	2020 – 2021	2021 – 2022	2022 – 2023	2023 – 2024
Học lực	99,6%	99,5%	100%	99,3%	99,5%
Hạnh kiểm	100% khá tốt	100% khá tốt	100% khá tốt	100% khá tốt	100% khá tốt

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.1-06].

Năm học	2019 – 2020	2020 – 2021	2021 – 2022	2022 – 2023	2023 – 2024
Lên lớp	99,6%	99,5%	100%	99,3%	99,5%
Tốt nghiệp THCS	100%	100%	100%	100%	100%

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh [H1-1.1-06].

Tỷ lệ học sinh xếp loại Giỏi (Tốt) về học lực luôn đạt trên 10% theo quy định. Cụ thể là:

Năm học	2019 – 2020	2020 – 2021	2021 – 2022	2022 – 2023	2023 – 2024
Tỷ lệ học lực xếp loại giỏi	44,7%	37,9%	47,0%	31,5%	31,6%

Tỷ lệ học sinh xếp loại Khá về học lực luôn đạt trên 35% theo quy định. Cụ thể là:

Năm học	2019 – 2020	2020 – 2021	2021 – 2022	2022 – 2023	2023 – 2024
Tỷ lệ học lực xếp loại khá	39,0%	39,1%	39,0%	42,1%	44,1%

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém (Chưa đạt) về học lực không quá 05% theo quy định. Cụ thể là:

Năm học	2019 – 2020	2020 – 2021	2021 – 2022	2022 – 2023	2023 – 2024
Tỷ lệ học lực xếp loại yếu, kém	0,4%	0,5%	00%	0,7%	0,5%

Học sinh có truyền thống chăm ngoan hiếu học. Tỷ lệ học sinh xếp loại Khá, Tốt về hạnh kiểm luôn đạt trên 90% theo quy định. Cụ thể là:

Năm học	2019 – 2020	2020 – 2021	2021 – 2022	2022 – 2023	2023 – 2024
Tỷ lệ hạnh kiểm xếp loại khá, tốt	100%	100%	100%	100%	100%

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban [H1-1.1-06].

Tỷ lệ học sinh bỏ học hằng năm không quá 01% theo quy định. Cụ thể là:

Năm học	2019 – 2020	2020 – 2021	2021 – 2022	2022 – 2023	2023 – 2024
Tỷ lệ học sinh bỏ học	0,8%	0,8%	0,9%	0,5%	0,8%

Tỷ lệ học sinh lưu ban hằng năm không quá 02% theo quy định. Cụ thể là:

Năm học	2019 – 2020	2020 – 2021	2021 – 2022	2022 – 2023	2023 – 2024
Tỷ lệ học sinh lưu ban	0,4%	0,5%	0%	0,7%	0,5%

2. Điểm mạnh

- Kết quả xếp loại học lực, tỷ lệ học sinh khá giỏi hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, đáp ứng mục tiêu giáo dục.

- Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt luôn đạt 100%.

- Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt tỷ lệ cao, tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học thấp theo quy định.

- Số lượng học sinh giỏi cấp Huyện tăng theo từng năm.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh lưu ban, bỏ học vẫn còn. Chất lượng giáo dục tăng nhưng chưa ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 – 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, khai thác triệt để các thiết bị dạy học, chú trọng rèn năng lực tự học của học sinh nhằm nâng cao tỷ lệ học sinh khá, tốt, giảm tỷ lệ học sinh chưa đạt của nhà trường và chất lượng giáo dục luôn ổn định. Tăng cường công tác vận động học sinh đến trường, tăng cường dạy học cá thể.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

- Điểm mạnh nổi bật:

+ Nhà trường thực hiện nghiêm túc quy định về thời gian dạy học, tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục. Nhà trường xây dựng đầy đủ kế hoạch phù hợp tình hình đơn vị, nhất là về phụ đạo học sinh chưa đạt, bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức thực hiện các chuyên đề, thao giảng để cùng nhau học tập rút kinh nghiệm, nâng cao tay nghề.

+ Tỷ lệ học sinh khá giỏi luôn ổn định ở mức cao và tỷ lệ học sinh chưa đạt giảm; học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu luôn được quan tâm và tạo điều kiện để phát triển.

+ Kết quả xếp loại học lực, tỷ lệ học sinh khá giỏi hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, đáp ứng mục tiêu giáo dục. Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt luôn đạt 100%.

+ Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt tỷ lệ cao, tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học thấp theo quy định.

- Điểm yếu cơ bản:

Số lượng học sinh giỏi các bộ môn chưa đồng đều. Số lượng học sinh tham gia các cuộc thi Khoa học kỹ thuật chưa nhiều.

Số lượng học sinh giỏi các bộ môn chưa đồng đều.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06

Phần III**KẾT LUẬN CHUNG**

Báo cáo tự đánh giá của trường Trung học cơ sở Tân An Hội, huyện Củ Chi phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động. Qua đó, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện các chương trình hoạt động giáo dục, công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với Cha mẹ học sinh.

Trường Trung học cơ sở Tân An Hội đối chiếu các kết quả về quá trình hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 05 năm qua với tiêu chuẩn đánh giá trường Trung học cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018, nhà trường đã đạt được như sau:

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28	Tỷ lệ: 100%
Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 0/28	Tỷ lệ: 0%
Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 28/28	Tỷ lệ: 100%
Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 0/28	Tỷ lệ: 0%
Số lượng các tiêu chí đạt được Mức 3: 09/20	Tỷ lệ: 45%
Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 11/20	Tỷ lệ: 55%

Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở Tân An Hội: Mức 2;

- Đề nghị Trường Trung học cơ sở Tân An Hội, huyện Củ Chi đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1./.

Củ Chi, ngày 19 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Thị Nhân

Phần IV: PHỤ LỤC
Danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	- Văn bản phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Kế hoạch chiến lược phát triển trường THCS Tân An Hội giai đoạn 2019 – 2024.	Số 221/KH-THCS-TAH ngày 15 tháng 9 năm 2024.	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	- Trang thông tin điện tử của trường.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Công nghệ thông tin (Cô Lê Phan Bảo Ngọc)	Enetviet Website: Hiệu trưởng http://thcstananhoi.hcm.edu.vn/
	4	[H1-1.1-04]	- Biên bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường.	Biên bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường tháng 9 năm 2024.	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H1-1.1-05]	- Sổ Nghị quyết Hội đồng sư phạm, Sổ	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng.

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			Nghị quyết Hội đồng trường.	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024		
	6	[H1-1.1-06]	- Báo cáo Tổng kết hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Văn thư
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Ủy ban nhân dân huyện	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập hội đồng thi đua khen thưởng.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Văn thư
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập hội đồng Kỷ luật.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Văn thư
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập	Năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Phòng Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			các hội đồng tư vấn: hội đồng chuyên môn, hội đồng tuyển sinh lớp 6, hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở, hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm, hội đồng chấm thi giáo viên giỏi.	Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024		
	5	[H1-1.2-05]	Quy chế hoạt động của Hội đồng trường.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hội đồng trường	Phòng văn thư
	6	[H1-1.2-06]	Hồ sơ thi đua của Hội đồng thi đua khen thưởng.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng văn thư
	7	[H1-1.2-07]	Biên bản thi đua khen thưởng.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Hội đồng thi đua	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2023 – 2024		
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Danh sách chi bộ Đảng; Quyết định chuẩn y cấp ủy Chi bộ đảng. Quy chế hoạt động của chi bộ.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Đảng ủy xã Tân An Hội	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.3-02]	Danh sách công đoàn viên; Quyết định chuẩn y Ban chấp hành công đoàn; Nghị quyết, biên bản đại hội Công đoàn.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Công đoàn ngành, công đoàn trường	Phòng công đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Danh sách chi đoàn; Quyết định chuẩn y Ban chấp hành chi đoàn; Nghị quyết, biên bản đại hội chi đoàn.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Xã Đoàn Tân An Hội	Phòng Đoàn Đội
	4	[H1-1.3-04]	Danh sách chi đội trưởng các lớp, ban chỉ huy Liên đội;	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Hội Đồng Đội	Phòng đoàn đội

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			Quyết định chuẩn y Liên đội; Nghị quyết, biên bản đại hội Liên đội trường.	Năm học 2023 – 2024		
	5	[H1-1.3-05]	QĐ thành lập Hội khuyến học Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Văn thư
	6	[H1-1.3-06]	Sổ họp chi ủy, chi bộ	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Chi ủy, chi bộ	Phòng Hiệu trưởng
	7	[H1-1.3-07]	Kế hoạch hoạt động của Công đoàn. Các văn bản liên quan hoạt động của Công đoàn. Hình ảnh hoạt động của Công đoàn. Sổ họp công đoàn. Báo cáo kết quả công	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Ban chấp hành Công đoàn	Phòng công đoàn

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			tác công đoàn.			
	8	[H1-1.3-08]	Kế hoạch hoạt động của Chi đoàn. Các văn bản liên quan hoạt động của Chi đoàn. Hình ảnh hoạt động của Chi đoàn.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Ban chấp hành chi đoàn	Phòng đoàn đội
	9	[H1-1.3-09]	Kế hoạch hoạt động Đội thiếu niên tiên phong. Các văn bản liên quan hoạt động của Đội. Hình ảnh hoạt động của Đội thiếu niên tiên phong.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Tổng phụ trách	Phòng đoàn đội
	10	[H1-1.3-10]	- Sổ họp chi bộ. - Phiếu kiểm điểm chất lượng ĐV. - Quyết định công nhận kết quả đánh giá chất lượng Chi bộ và Đảng viên.	Năm 2019 đến năm 2023	Chi ủy, Đảng Ủy Xã Tân An Hội	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	11	[H1-1.3-11]	Biên bản họp công đoàn; Báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả hoạt động công đoàn.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Chủ tịch công đoàn	Phòng Công đoàn
	12	[H1-1.3-12]	Biên bản họp chi đoàn; Báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả hoạt động chi đoàn.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Bí thư chi đoàn	Hồ sơ chi đoàn
	13	[H1-1.3-13]	Báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả hoạt động Đội hằng năm.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Tổng phụ trách đội	Phòng Đoàn đội
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng.	Số 9037/QĐ UBND huyện Củ Chi, ngày 25/7/2017	Ủy ban nhân dân huyện Củ chi	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H2-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng.	Số 7896/QĐ UBND huyện Củ Chi, ngày 08/08/2018	Ủy ban nhân dân huyện Củ chi	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Phòng Văn thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng tổ chuyên môn. Quyết định thành lập các tổ văn phòng. Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng tổ văn phòng.	Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024		
	4	[H1-1.4-04]	Kế hoạch giáo dục của Tổ/ Nhóm/ giáo viên.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng Tổ trưởng chuyên môn	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Sổ sinh hoạt chuyên môn. Sổ sinh hoạt, sổ họp tổ văn phòng.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Tổ trưởng chuyên môn Tổ trưởng Văn phòng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ thao giảng (Kế hoạch thao giảng, Biên bản đổi mới sinh hoạt chuyên môn)	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	7	[H1-1.4-07]	- Biên bản rút kinh	Năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			nghiệm thao giảng. - Biên bản kiểm tra hoạt động tổ văn phòng (Thư viện, thiết bị, tài sản, tài chính) hằng năm.	Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024		trưởng
	8	[H1-1.4-08]	Hình ảnh hoạt động tổ bộ môn.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Công nghệ thông tin (Cô Lê Phan Bảo Ngọc)	Enetviet Website: https://thcstananhoi.hcm.edu.vn/ Cô Lê Phan Bảo Ngọc
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ gọi tên ghi điểm. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Học vụ	Phòng Học Vụ
	2	[H1-1.5-02]	Danh sách học sinh. Biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Học vụ	Phòng Học Vụ
	3	[H1-1.5-03]	Sổ chủ nhiệm	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Học vụ	Phòng Học Vụ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024		
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ đăng bộ. Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Học vụ	Phòng Học Vụ
	2	[H1-1.6-02]	Sổ ghi đầu bài.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Học vụ	Phòng Học Vụ
	3	[H1-1.6-03]	Học bạ học sinh.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Học vụ	Phòng Học Vụ
	4	[H1-1.6-04]	Sổ quản lý cấp phát văn bằng.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Học vụ	Phòng Học Vụ
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ.	Năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024		trưởng
	6	[H1-1.6-06]	Công văn đi, đến.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Văn thư	Phòng Văn thư
	7	[H1-1.6-07]	Sổ quản lý tài sản; Thiết bị giáo dục.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Cán bộ Thư viện-Thiết bị	Phòng Thiết Bị
	8	[H1-1.6-08]	Hồ sơ quản lý tài chính. Sổ quản lý tài chính. Báo cáo quyết toán. Biên bản kiểm tra tài chính cấp trên.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Kế toán	Phòng Kế toán
	9	[H1-1.6-09]	Hồ sơ quản lý thư viện	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Thư viện	Phòng Thư viện

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2023 – 2024		
	10	[H1-1.6-10]	Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Y tế	Phòng y tế
	11	[H1-1.6-11]	Quy chế chi tiêu nội bộ.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Kế toán
	12	[H1-1.6-12]	Phần mềm Imas.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Kế toán	Phòng Kế toán
	13	[H1-1.6-13]	Kế hoạch vận động tài trợ giáo dục.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Kế toán
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ hăng năm.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024		
	2	[H1-1.7-02]	Bảng phân công nhiệm vụ của cán bộ quản lý, tổ chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Bảng chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng năm.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Kế toán	Phòng Kế toán
	4	[H1-1.7-04]	Quyết định khen thưởng.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H1-1.7-05]	Hợp đồng khám sức khỏe cho Cán bộ – Công chức – Viên chức.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Y tế	Phòng Y tế
	6	[H1-1.7-06]	Hồ sơ hội nghị cán bộ, công viên chức hằng	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Ban chấp hành công	Phòng Công Đoàn

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			năm.	Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	đoàn	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Thời khóa biểu.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Văn thư
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Văn thư
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Biên bản họp tổ, Họp Hội đồng sư phạm, Hội đồng trường.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Tổ trưởng, Giáo viên, Liên tịch	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ tiếp công dân.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.9-03]	Báo cáo thực hiện	Năm học 2019 – 2020	Hiệu trưởng	https://thcstanan

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			công khai chất lượng giáo dục hằng năm.	Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024		hoi.hcm.edu.vn/3-cong-khai
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	https://thcstanan.hoi.hcm.edu.vn/3-cong-khai
	5	[H1-1.9-05]	Biên bản giám sát Công khai các biện pháp và cơ chế thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Ban thanh tra nhân dân	https://thcstanan.hoi.hcm.edu.vn/3-cong-khai
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án đảm bảo an ninh trường học.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch an toàn phòng chống cháy nổ.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.10-04]	Kế hoạch phòng chống các tệ nạn, bạo lực học đường.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	5	[H1-1.10-05]	Kế hoạch an toàn vệ sinh thực phẩm.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Y tế	Phòng Y tế
	6	[H1-1.10-06]	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Y tế	Phòng Y tế
	7	[H1-1.10-07]	Hai hộp thư góp ý, số điện thoại nhà trường, số điện thoại Cán bộ	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Công nghệ thông tin (Cô Lê Phan Bảo Ngọc)	Cô Lê Phan Bảo Ngọc

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			quản lý, Giám thị, địa chỉ trang web trường.	Năm học 2023 – 2024		
	8	[H1-1.10-08]	Văn bản tham mưu phối hợp với các cơ quan và nhà trường. Quy chế phối hợp giữa công an và nhà trường.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Văn thư
	9	[H1-1.10-09]	Hồ sơ xây dựng trường học “ An toàn về an ninh trật tự” theo thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27 tháng 4 năm 2012. Biên bản xử lý các vụ việc liên quan an ninh trật tự, bạo lực học đường.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng. Giám thị.	Phòng Phó Hiệu trưởng
	10	[H1-1.10-10]	Báo cáo sơ kết và tổng kết của công đoàn về kỳ thi, bạo lực, vi phạm bình đẳng giới. Hình ảnh chủ đề bình đẳng giới, phòng	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Chủ tịch công đoàn	Phòng công đoàn

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			chống bạo lực trong nhà trường.			
	11	[H1-1.10-11]	Hình ảnh báo cáo chuyên đề, bài viết tuyên truyền.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Công nghệ thông tin (Cô Lê Phan Bảo Ngọc)	Cô Lê Phan Bảo Ngọc
	12	[H1-1.10-12]	Biên bản họp triển khai các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống bạo lực học đường.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Văn bằng, Giấy chứng nhận Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cán bộ, giáo viên, công nhân viên.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường trung học.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	3	[H2-2.1-03]	Biên bản lấy ý kiến của giáo viên – nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của cán bộ quản lý.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Báo cáo trình độ đội ngũ.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Công nghệ thông tin (Cô Lê Thị Thu Trang)	Phần mềm csdl.hcm.edu.vn
	2	[H2-2.2-02]	Bảng đánh giá chuẩn giáo viên.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng Giáo viên	Phòng Hiệu trưởng
	3	[H2-2.2-03]	Kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh vào lớp 10 Trung học phổ thông, trung cấp nghề). Kết quả tuyển sinh 10; Hồ sơ công tác PCGD	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Văn Thư

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	4	[H2-2.2-04]	Hồ sơ thi STEM, KHKT, KTKT hình ảnh	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Tổ Toán - Tin	Phòng Văn thư
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Hồ sơ (báo cáo) quản lý nhân sự nhà trường.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Công nghệ thông tin (Cô Lê Thị Thu Trang)	Phần mềm csdl.hcm.edu.vn
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Kế hoạch khen thưởng học sinh. Quyết định khen thưởng học sinh.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Đoàn Đội
	2	[H2-2.4-02]	Hình ảnh tư liệu về các hoạt động lễ hội, sự kiện.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Công nghệ thông tin (Cô Lê Phan Bảo Ngọc)	Cô Lê Phan Bảo Ngọc
	3	[H2-2.4-03]	Hình ảnh hoạt động trải nghiệm học tập thực tế của học sinh.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Công nghệ thông tin (Cô Lê Phan Bảo Ngọc)	Cô Lê Phan Bảo Ngọc

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2023 – 2024		
	4	[H2-2.4-04]	Hình ảnh tặng quà cho học sinh khó khăn, hình ảnh các mạnh thường quân tặng quà cho trường.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Tổng phụ trách	Phòng Đoàn Đội
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Khuôn viên nhà trường, bản vẽ Hồ sơ thiết kế xây dựng và sơ đồ tổng thể nhà trường năm 2010 Hồ sơ thiết kế xây dựng và sơ đồ tổng thể của nhà trường, khu vực bán trú.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024 Năm 2010 Năm 2022	Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi	Quan sát thực tế Phòng Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Cổng trường, các hình ảnh, tư liệu, Sân tập Thể dục thể thao, Số phòng học, Nhà để xe, Sơ đồ.	Kiểm tra hiện hữu		Quan sát thực tế
	3	[H3-3.1-03]	Danh mục các thiết bị Thể dục thể thao.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ Thư viện – Thiết bị	Phòng Thiết bị

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2023 – 2024		
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Biên bản bàn giao và kiểm kê tài sản các năm (Phòng bộ môn, lớp).	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Kế toán Giáo viên	Phòng Kế toán
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hồ sơ về định kỳ sửa chữa bổ sung thiết bị khối hành chính – quản trị; Xây mới Nhà vệ sinh năm học 2023-2024.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H3-3.3-02]	Biên bản bàn giao, kiểm kê các phòng Hành chính quản trị.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Kế toán Nhân viên	Phòng Kế toán
	3	[H3-3.3-03]	Báo cáo kiểm kê đánh giá tài sản các phòng làm việc hằng năm.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Kế toán Giáo viên Nhân viên	Phòng Kế toán
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hợp đồng với công ty cung cấp nước sạch.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021	Hiệu trưởng	Phòng Kế toán

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024		
	2	[H3-3.4-02]	Hợp đồng với công ty cung cấp nước uống.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Kế toán
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng cung cấp với công ty thu gom rác thải.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Y tế
	4	[H3-3.4-04]	Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế có nội dung liên quan.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Y tế	Phòng Y tế
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Kế hoạch mua sắm thiết bị, kiểm tra – đồ dùng dạy học.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Cán bộ Thư viện – Thiết bị	Phòng Thiết bị
	2	[H3-3.5-02]	Sổ mượn ĐDDH của	Năm học 2019 – 2020	Cán bộ Thư	Phòng Thiết bị

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			giáo viên.	Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	viện – Thiết bị	
	3	[H3-3.5-03]	Báo cáo tổng kết công tác thiết bị. Kế hoạch tổ chức tham gia thi làm đồ dùng dạy học	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Cán bộ Thư viện – Thiết bị	Phòng Thiết bị
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Các kệ trưng bày sách báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Cán bộ Thư viện – Thiết bị	Phòng Thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Sổ theo dõi cho mượn sách, tranh ảnh.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Cán bộ Thư viện – Thiết bị	Phòng Thư viện
	3	[H3-3.6-03]	Sổ quản lý nhập sách, tranh ảnh, tạp chí, bản đồ,...	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ Thư viện – Thiết bị	Phòng Thư viện

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2023 – 2024		
	4	[H3-3.6-04]	Kế hoạch giới thiệu sách.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Cán bộ Thư viện – Thiết bị	Phòng Thư viện
	5	[H3-3.6-05]	Biên bản kiểm kê, bổ sung sách, mua báo thiếu nhi, báo Nhân dân, Sài Gòn giải phóng, tranh ảnh giáo dục, sách giáo khoa.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Cán bộ Thư viện – Thiết bị	Phòng Thư viện
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Sổ Biên bản họp Cha mẹ học sinh. Các biên bản họp Cha mẹ học sinh. Hồ sơ Ban đại diện Cha mẹ học sinh. Hồ sơ tài trợ ti vi, quạt	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
			treo tường của Ban đại diện cha mẹ học sinh.			
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Danh sách học sinh khó khăn nhận quà.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Tổng phụ trách	Phòng Đoàn Đội
	2	[H4-4.2-02]	Hồ sơ huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Cán bộ quản lý; Giáo viên chủ nhiệm; Giám thị; Tổng phụ trách	Phòng Học vụ
	3	[H4-4.2-03]	- Kế hoạch tổ chức hoạt động kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Tổng Phụ trách	Phòng Đoàn Đội
	4	[H4-4.2-04]	Kế hoạch tổ chức Hoạt động trải nghiệm học tập thực tế cho học sinh.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	5	[H4-4.2-05]	Kế hoạch tổ chức phong trào Hội xuân Hình ảnh Hội xuân.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Tổng Phụ trách	Phòng Đoàn đội
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch kiểm tra cuối kì.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.1-02]	Lịch kiểm tra giữa kì 3 môn Văn, Toán, Anh văn.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.1-03]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu kém.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch – Báo cáo giáo dục địa phương.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Tổ chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
				Năm học 2023 – 2024		
	2	[H5-5.3-02]	Hồ sơ kiểm tra đánh giá học sinh.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Tổ chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng
	3	[H5-5.3-03]	Biên bản họp sơ kết, tổng kết hằng năm các tổ bộ môn.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Tổ chuyên môn	Phòng Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Hồ sơ nghề phổ thông (danh sách học, kết quả thi nghề); Quyết định thành lập Ban hướng nghiệp; Hình ảnh hoạt động hướng nghiệp.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục rèn kỹ năng sống.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
	2	[H5-5.5-02]	Kế hoạch tổ chức phổ cập bơi lội, kế hoạch giảng dạy kỹ năng sống.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Hiệu trưởng	Phòng Học vụ
	3	[H5-5.5-03]	Hình ảnh hoạt động giáo dục kỹ năng sống.	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Công nghệ thông tin (Cô Lê Phan Bảo Ngọc)	Cô Lê Phan Bảo Ngọc
	4	[H5-5.5-04]	Hồ sơ tham gia Hội thi Khoa học kỹ thuật	Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 – 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023 Năm học 2023 – 2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng